

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện hiện nay, nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường, sự cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng trở lên gay gắt. Để đứng vững trên thị trường, để có quyết định kinh doanh đúng đắn, các nhà kinh doanh, các nhà đầu tư phải sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin khác nhau trong đó thông tin từ phân tích Báo cáo tài chính là nguồn thông tin quan trọng và hiệu quả.

Xuất phát từ nhu cầu quản lý kinh tế ngày chặt chẽ, các doanh nghiệp đã có sự quan tâm thích đáng đến công tác phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp mình thông qua Báo cáo tài chính. Qua phân tích Báo cáo tài chính họ có căn cứ để đánh giá tốt hơn tình hình sử dụng vốn cũng như thực trạng xu hướng hoạt động của doanh nghiệp, xác định được các nhân tố ảnh hưởng, mức độ cũng như xu hướng tác động của từng nhân tố đến kết quả kinh doanh, từ đó, các đối tượng quan tâm có thể ra quyết định tối ưu nhất.

Báo cáo tài chính là báo cáo phản ánh tổng hợp tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình dòng tiền trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, có thể nói Báo cáo tài chính là bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính của doanh nghiệp và là công cụ hữu ích để phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ đó các chủ thể có thể có quyết định cần thiết về quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Công ty TNHH Tân Bình hoạt động trong nền kinh tế thị trường, muốn kiểm soát quá trình hoạt động kinh doanh công ty phải chú trọng đến tổ chức lập và phân tích Báo cáo tài chính.

Xuất phát từ thực trạng trên, em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tân Bình”.

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình***

---

Kết cấu của bài khoá luận gồm 3 chương:

***Chương 1: Lý luận chung về tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh.***

***Chương 2: Thực tế tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tân Bình.***

***Chương 3: Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tân Bình.***

## **CHƯƠNG 1**

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Khái quát chung về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.**

#### ***1.1.1 Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế.***

- **Khái niệm báo cáo tài chính (BCTC)**

BCTC là những báo cáo kế toán tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu, công nợ cũng như tình hình chi phí, kết quả kinh doanh và các thông tin tổng quát khác về doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Nói cách khác, BCTC là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho những người quan tâm (chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà cho vay, các cơ quan chức năng...)

BCTC là hệ thống báo cáo được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu của đơn vị. Theo đó, BCTC chứa đựng những thông tin tổng hợp nhất về tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Nói cách khác, BCTC là phương tiện trình bày thực trạng tài chính và khả năng sinh lời của doanh nghiệp cho những người quan tâm (chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà cho vay...)

BCTC là bắt buộc đối với các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, được nhà nước quy định thống nhất về danh mục các báo cáo, biểu mẫu và hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp lập, nơi gửi báo cáo và thời gian gửi báo cáo.

- **Sự cần thiết của BCTC trong công tác quản lý kinh tế.**

Trong giai đoạn hiện nay, hệ thống BCTC được lập nhằm giúp những người ra quyết định đánh giá chính xác thực trạng tài chính và tiềm năng của doanh nghiệp, lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu trên cơ sở đánh giá khả năng tạo ra

## *Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình*

---

các dòng tiền, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, mức lợi nhuận... Bởi vậy, thông tin từ hệ thống BCTC và phân tích BCTC có vai trò quan trọng đối với nhiều phía cả trong và ngoài doanh nghiệp.

*Đối với các chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp:* Họ quan tâm đến nhiều mục tiêu khác nhau: tạo công ăn, việc làm, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm bớt chi phí, đóng góp phúc lợi xã hội... Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại nếu đảm bảo được thử thách sống còn và cũng là 2 mục tiêu cơ bản: kinh doanh có lãi và thanh toán công nợ. Như vậy, vì mục đích tồn tại và phát triển, hơn ai hết, các chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp phải có đủ thông tin, hiểu rõ doanh nghiệp và liên kết các thông tin với nhau về mọi mặt: tình hình tài chính, khả năng sinh lợi, đánh giá rủi ro... Từ đó, các nhà quản lý có thể đưa ra những quyết định đúng đắn nhất, hiệu quả nhất cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

*Đối với các nhà đầu tư, các chủ nợ:* BCTC của doanh nghiệp sẽ giúp họ nhận biết khả năng về tài chính, tình hình sử dụng hiệu quả các loại vốn, nguồn vốn, khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Từ đó, có cơ sở tin cậy cho họ quyết định đầu tư vào doanh nghiệp, cho doanh nghiệp vay hay không? Khi khả năng về tài chính của doanh nghiệp khả quan, khi doanh nghiệp sử dụng vốn có hiệu quả, khả năng sinh lời cao và bền vững thì việc quyết định đầu tư, cho vay thậm chí với giá trị lớn của các nhà đầu tư, nhà cho vay là điều tất yếu.

*Đối với nhà cung cấp:* BCTC của doanh nghiệp giúp họ nhận biết cơ bản về khả năng thanh toán, để từ đó họ có thể quyết định bán hàng hay không bán hàng hoặc áp dụng phương thức thanh toán hợp lý để nhanh chóng thu hồi tiền hàng.

*Đối với khách hàng:* BCTC giúp họ phân tích, đánh giá khả năng, năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mức độ uy tín của doanh nghiệp để quyết định có mua hàng, ứng tiền hàng trước khi mua hàng hay không?

*Đối với các cơ quan hữu quan của Nhà nước như tài chính, ngân hàng, kiểm toán, thuế...* BCTC của doanh nghiệp là tài liệu quan trọng trong việc kiểm tra, giám sát, kiểm toán và hướng dẫn, tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện các chính

sách, chế độ, thể lệ về tài chính, kế toán, thuế và kỹ luật tài chính, tín dụng, ngân hàng...

### ***1.1.2 Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính.***

Việc lập và trình bày BCTC phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21-Trình bày báo cáo tài chính, gồm:

BCTC phải trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực hợp lý, các BCTC phải được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Doanh nghiệp phải lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán cho việc lập và trình bày BCTC phù hợp với các quy định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy khi:

- Trình bày trung thực hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.
- Trình bày khách quan, không thiên vị.
- Tuân thủ nguyên tắc thận trọng.
- Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

Trong trường hợp chưa có quy định ở chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành thì doanh nghiệp phải căn cứ vào chuẩn mực chung để xây dựng các phương pháp kế toán hợp lý, cụ thể. Khi xây dựng các phương pháp kế toán doanh nghiệp cần xem xét:

- Những yêu cầu và hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán đề cập đến những vấn đề tương tự và có liên quan.
- Những khái niệm, tiêu chuẩn, điều kiện xác định và ghi nhận đối với các tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí được quy định trong chuẩn mực chung.

- Những quy định đặc thù của ngành nghề kinh doanh chỉ được chấp thuận khi những quy định này phù hợp với 2 điểm trên của đoạn này.

Việc lập BCTC phải căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán, BCTC phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán. BCTC phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký và đóng dấu của đơn vị.

### ***1.1.3 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.***

Các quy định về nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính được quy định tại chuẩn mực số 21- Trình bày Báo cáo tài chính (Ban hành và công bố theo quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) bao gồm:

- **Nguyên tắc hoạt động liên tục:**

Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Khi đánh giá nếu biết được có những điều không chắc chắn liên quan có thể gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp thì những điều không chắc chắn đó cần phải được nêu rõ. Nếu báo cáo tài chính không được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, thì sự kiện này cần được nêu ra, cùng với cơ sở dùng để lập báo cáo tài chính và lý do khiến cho doanh nghiệp không được coi là hoạt động liên tục.

Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám Đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán tối thiểu trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

- **Nguyên tắc cơ sở dồn tích:**

Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền.

Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán, báo cáo tài chính của các kỳ kế toán có liên quan. Các khoản

## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

---

chi phí được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh theo nguyên tắc cơ sở dồn tích giữa doanh thu và chi phí. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc cơ sở dồn tích không cho phép ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán những khoản mục không thoả mãn định nghĩa về tài sản hoặc nợ phải trả.

- **Nguyên tắc nhất quán:**

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện; hoặc:

Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong trình bày.

Việc thay đổi cách trình bày chỉ được thực hiện khi cấu trúc trình bày mới sẽ được duy trì lâu dài trong tương lai hoặc nếu lợi ích của cách trình bày mới được xác định rõ ràng. Khi có thay đổi, thì doanh nghiệp phải phân loại thông tin mang tính so sánh cho phù hợp với các quy định của đoạn 30 và giải trình lý do, ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- **Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp:**

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng. Thông tin được coi là trọng yếu nếu không được trình bày hoặc trình bày thiếu chính xác về thông tin đó dẫn đến có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất của khoản mục được đánh giá trong các tình huống cụ thể nếu các khoản mục này không được trình bày riêng biệt. Tuy nhiên có những khoản mục không được coi là trọng yếu để có thể trình bày riêng biệt trên báo cáo tài chính, nhưng lại được coi là trọng yếu để được trình bày riêng biệt trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin đó không có tính trọng yếu.

- **Nguyên tắc bù trừ:**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên BCTC không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.

Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí chỉ được bù trừ khi:

- Được quy định tại chuẩn mực kế toán khác; hoặc

- Các khoản lỗ, lãi và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch, các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu. Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

- Các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt. Việc bù trừ các số liệu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc bảng cân đối kế toán, ngoại trừ trường hợp việc bù trừ này phản ánh bản chất của giao dịch hoặc sự kiện. Việc bù trừ không cho phép người sử dụng hiểu được các giao dịch hoặc sự kiện được thực hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.

Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” quy định doanh thu phải được đánh giá theo giá trị hợp lý của những khoản đã thu hoặc có thể thu được, trừ đi tất cả các khoản giảm trừ doanh thu. Trong hoạt động kinh doanh thông thường, doanh nghiệp thực hiện những giao dịch khác không làm phát sinh doanh thu, nhưng lại có liên quan đến các hoạt động chính làm phát sinh doanh thu. Kết quả của các giao dịch này sẽ được trình bày bằng cách khấu trừ các khoản chi phí có liên quan phát sinh trong cùng một giao dịch vào khoản thu nhập tương ứng, nếu cách trình bày này phản ánh đúng bản chất của các giao dịch hoặc sự kiện đó. Chẳng hạn như:



Lãi, lỗ phát sinh trong việc thanh lý các tài sản cố định và đầu tư dài hạn, được trình bày bằng cách khấu trừ giá trị ghi sổ của tài sản và các khoản chi phí thanh lý có liên quan vào giá bán tài sản;

Các khoản lãi và lỗ phát sinh từ một nhóm các giao dịch tương tự sẽ được hạch toán theo giá trị thuần, ví dụ như các khoản lãi lỗ do chênh lệch tỷ giá, lãi lỗ phát sinh từ hoạt động mua bán các công cụ tài chính với mục đích thương mại. Tuy nhiên, các khoản lãi lỗ này cần được trình bày riêng biệt nêu quy mô, tính chất hoặc tác động của chúng yêu cầu phải được trình bày riêng biệt theo quy định của chuẩn mực “Lãi, lỗ thuần trong kỳ, các sai sót cơ bản và các thay đổi trong chính sách kế toán”.

- **Nguyên tắc so sánh:**

Các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán với nhau nên phải được trình bày tương ứng với các thông số bằng số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ trước. Các thông tin so sánh cần phải bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều đó là cần thiết giúp cho người sử dụng hiểu rõ báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

Khi thay đổi cách trình bày hoặc cách phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính, thì phải phân loại lại các số liệu so sánh (trừ khi việc này không thể thực hiện được) nhằm đảm bảo khả năng so sánh với kỳ hiện tại, và phải trình bày tính chất, số liệu và lý do việc phân loại lại. Nếu không thể thực hiện được việc phân loại lại các số liệu tương ứng mang tính chất so sánh thì doanh nghiệp cần phải nêu rõ nguyên nhân và tính chất của những thay đổi nếu việc phân loại lại số liệu được thực hiện.

Trường hợp không thể phân loại lại các thông tin mang tính so sánh để so sánh với kỳ hiện tại, như trường hợp mà cách thức thu thập các số liệu trong các kỳ trước đây không cho phép thực hiện việc phân loại lại để tạo ra những thông tin so sánh thì doanh nghiệp cần phải trình bày tính chất của các điều chỉnh lẽ ra cần phải thực hiện đối với các thông tin số liệu mang tính so sánh khi các thay đổi về chính sách kế toán được áp dụng cho kỳ trước.

#### **1.1.4 Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.**

##### **1.1.4.1 Hệ thống BCTC doanh nghiệp**

❖ Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC quy định cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm:

• **Báo cáo tài chính năm:**

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DNN)

Mỗi BCTC phản ánh các nghiệp vụ, sự kiện ở các phạm vi và góc độ khác nhau, do vậy chúng có sự tương hỗ lẫn nhau trong việc thể hiện tình hình tài chính sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không có BCTC nào chỉ phục vụ cho một mục đích hoặc có thể cung cấp mọi thông tin cần thiết làm thỏa mãn mọi nhu cầu sử dụng. Điều này nói lên tính hệ thống của BCTC trong việc cung cấp thông tin cho người sử dụng. Nội dung, phương pháp tính toán, hình thức trình bày trong từng BCTC quy định trong chế độ này được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, để phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế - tài chính, yêu cầu quản lý điều hành các ngành, các tổng công ty, các tập đoàn sản xuất, liên hiệp các xí nghiệp, các công ty liên doanh... Có thể căn cứ vào đặc thù của mình để nghiên cứu, cụ thể hóa và xây dựng thêm các BCTC chi tiết khác cho phù hợp, nhưng phải được Bộ Tài Chính chấp thuận bằng văn bản.

##### **1.1.4.2 Trách nhiệm lập Báo cáo tài chính**

- Lập BCTC năm là trách nhiệm của tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế. Các công ty, Tổng công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập thêm BCTC tổng hợp hoặc BCTC hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

##### **1.1.4.3. Kỳ lập Báo cáo tài chính**

- Kỳ lập BCTC năm: Doanh nghiệp phải lập BCTC theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình***

---

kế toán năm dẫn đến việc lập BCTC cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

**1.1.4.4. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính**

- **Đối với doanh nghiệp Nhà nước**

- Thời hạn nộp BCTC năm chậm nhất là 30 ngày đối với các đơn vị kế toán và chậm nhất là 90 ngày đối với Tổng công ty Nhà nước kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;

- **Đối với các loại hình doanh nghiệp khác**

DN tư nhân và công ty hợp danh phải nộp BCTC năm chậm nhất là 30 ngày, đối với các đơn vị kế toán khác chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoài ra các đơn vị kế toán khác trực thuộc đơn vị cấp trên nộp BCTC năm (quý) cho cấp trên theo thời hạn do đơn vị cấp trên quy định.

**1.1.4.5. Nơi nộp Báo cáo tài chính**

Tất cả các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm nộp BCTC cho các cơ quan chủ quản của mình tại tỉnh, thành phố đó. Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Trung ương nộp BCTC cho cơ quan chủ quản của mình là Bộ Tài Chính.

- Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, nơi nộp BCTC được quy định cụ thể như sau:

<b><i>Loại hình doanh nghiệp</i></b>	<b><i>Nơi nhận báo cáo tài chính</i></b>		
	<b><i>Cơ quan Thuế</i></b>	<b><i>Cơ quan đăng ký kinh doanh</i></b>	<b><i>Cơ quan Thống kê</i></b>
1- Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân.	x	x	x
2- Hợp tác xã	x	x	

Chú thích: Các cơ quan có đánh dấu “X” là các cơ quan bắt buộc phải nộp.

#### **1.1.4.6. Công khai báo cáo tài chính**

Đơn vị kế toán thuộc hoạt động kinh doanh phải công khai báo cáo tài chính năm trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- **Hình thức công khai báo cáo tài chính**
  - Phát hành ấn phẩm
  - Thông báo bằng văn bản
  - Niêm yết
  - Các hình thức khác theo quy định
- **Nội dung công khai báo cáo tài chính**
  - Tình hình tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.
  - Kết quả hoạt động kinh doanh.
  - Trích lập và sử dụng các quỹ.
  - Thu nhập của người lao động.

Riêng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải công khai BCTC năm trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khác thời hạn công khai BCTC chậm nhất là 120 ngày.

### **1.2 Báo cáo kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh.**

#### ***1.2.1 Khái niệm, vai trò của báo cáo kết quả kinh doanh***

- **Khái niệm**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính phản ánh tóm lược các khoản doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Ngoài báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh còn kết hợp phản ánh tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước.

- **Vai trò của báo cáo kết quả kinh doanh.**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thể hiện kết quả của các hoạt động của một doanh nghiệp trong 1 kỳ nhất định. Báo cáo này phản ánh tổng quát các khoản

doanh thu phát sinh và các chi phí đã sử dụng để tạo ra doanh thu đó, và lãi hay lỗ thuần là chênh lệch giữa doanh thu và chi phí.

Chức năng của báo cáo này là cung cấp các căn cứ cho người sử dụng đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cung cấp các thông tin cho người sử dụng sự đánh giá về hiệu quả của một doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Nó trình bày các nguồn chính tạo ra thu nhập và các khoản chi phí liên quan đến thu nhập đó. Nó so sánh các hao phí nguồn lực của doanh nghiệp bỏ ra với kết quả thực hiện qua 1 thời kỳ hoạt động kinh doanh và giúp cho người sử dụng dự đoán được triển vọng trong tương lai của doanh nghiệp. Ngoài ra Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần còn phải tính cả chỉ tiêu lợi tức trên cổ phần, để đánh giá khả năng sinh lời của công ty.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua tổng số lãi hoặc lỗ thuần trong một thời kỳ. Nó liệt kê các khoản doanh thu, chi phí, sau đó đưa ra kết quả lãi hoặc lỗ thuần. Doanh thu biểu thị sự tăng vốn của doanh nghiệp do bán hàng hoá hay cung cấp dịch vụ. Chi phí biểu thị giá trị sử dụng tài sản trong các hoạt động tạo ra doanh thu. Lãi hay lỗ đánh giá hiệu quả tổng quát của hoạt động kinh doanh bao gồm cả sự biến đổi về vốn chủ sở hữu trong một thời kỳ (trừ các khoản đầu tư của chủ sở hữu hay phân chia cho các chủ sở hữu).

Như vậy Báo cáo kết quả kinh doanh chỉ ra các hướng và cung cấp các căn cứ để dự đoán mức độ thành công của một doanh nghiệp. Các chỉ tiêu như: tỷ số giữa chi phí và doanh thu, tỷ suất giữa lãi thuần và vốn chủ sở hữu... được sử dụng để phân tích BCTC của doanh nghiệp.

### ***1.2.2 Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh và cơ sở số liệu lập Báo cáo kết quả kinh doanh.***

- **Công tác chuẩn bị trước khi lập Báo cáo kết quả kinh doanh.**

Để đảm bảo tính kịp thời và chính xác của các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán cần tiến hành các bước công việc sau:

- Kiểm soát các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đã cập nhật vào sổ kế toán chưa, nếu cần hoàn chỉnh tiếp tục việc ghi sổ kế toán (đây là khâu đầu trong việc kiểm soát thông tin kế toán là có thực, vì chứng từ kế toán là bằng chứng chứng minh cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh).

- Cộng sổ kế toán các tài khoản từ loại 5 đến 9 để kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Khoá sổ kế toán tổng hợp và khoá sổ kế toán chi tiết.

- Đối chiếu sự phù hợp về số liệu kế toán giữa các sổ kế toán tổng hợp với nhau, giữa sổ kế toán tổng hợp với sổ kế toán chi tiết. Nếu thấy chưa phù hợp phải thực hiện điều chỉnh lại số liệu theo nguyên tắc sửa sổ.

- Thực hiện việc kiểm kê tài sản theo chế độ quy định, nhằm điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán phù hợp với kết quả kiểm kê.

- Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Cơ sở số liệu lập Báo cáo kết quả kinh doanh.**

- Căn cứ Báo cáo kết quả kinh doanh của năm trước.

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

### ***1.2.3 Nội dung và Phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.***

- “Mã số” ghi ở cột B được dùng để cộng khi lập báo cáo tài chính.

- Số liệu ghi vào cột C “Thuyết minh” của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

- Số liệu ghi vào cột 2 “Năm trước” của báo cáo kỳ này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 1 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

- *Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu ghi vào cột 1 “Năm nay” như sau:*

#### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ( Mã số 01)**

Chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ” và tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo và trên sổ Cái.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu ( Mã số 02)**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là Luỹ kế bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, và TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” đối ứng với bên Có của các Tk 521 “Chiết khấu thương mại”, Tk 531 “Hàng bán bị trả lại”, Tk 532 “Giảm giá hàng bán”, TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”(TK 3331, TK 3332, TK 3333) trong kỳ báo cáo trên sổ cái.

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( Mã số 10)**

Mã số 10 = Mã số 01 - Mã số 02

**4. Giá vốn hàng bán ( Mã số 11)**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là luỹ kế số phát sinh bên Có của TK 632 “ Giá vốn hàng bán”, trong kỳ báo cáo đối ứng bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên Sổ Cái.

**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( Mã số 20)**

Mã số 20 = Mã số 10 - Mã số 11

**6. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là luỹ kế số phát sinh bên Nợ của TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính” Đối ứng với bên Có của Tk 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

**7. Chi phí tài chính ( Mã số 22)**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là luỹ kế số phát sinh bên có của TK 635 “Chi phí tài chính” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

- Chi phí lãi vay ( Mã số 23)

Chỉ tiêu này phản ánh lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào sổ chi tiết TK 635.

**8. Chi phí quản lý kinh doanh ( Mã số 25)**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng phát sinh bên Có của TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

**9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ( Mã số 30)**

Mã số 30 = Mã số 20 + (Mã số 21 - Mã số 22) - Mã số 24 - Mã số 25

**10. Thu nhập khác ( Mã số 31)**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Nợ của TK 711 “Thu nhập khác” đối ứng với bên Có của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

**11. Chi phí khác ( Mã số 32)**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có của TK 811 “Chi phí khác” đối ứng với bên Nợ của TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kỳ báo cáo trên Sổ Cái.

**12. Lợi nhuận khác ( Mã số 40)**

Mã số 40 = Mã số 31 - Mã số 32

**13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( Mã số 50)**

Mã số 50 = Mã số 30 + Mã số 40

**14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ( Mã số 51)**

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu được ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên có của tài khoản 821 “ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” đối ứng với bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 821, hoặc căn cứ vào số phát sinh bên nợ của TK821 đối ứng bên có của TK 911 trong kỳ báo cáo, trường hợp số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 821.

Mã số 51 = Chi phí thuế TNDN hiện hành(Mã số 50 x Thuế suất thuế TNDN)  
+ Chi phí ghi tăng do phát hiện năm trước tính thiếu –chi phí ghi giảm do phát hiện năm trước tính thừa

**15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ( Mã số 60)**

Mã số 60 = Mã số 50 –Mã số 51



**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

**Mẫu biểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**Đơn vị:**.....

**Mẫu số B02 – DNN**

**Địa chỉ:**.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC  
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm ...

Đơn vị tính:.....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.09		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.10		
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Lập, ngày .....tháng.....năm .....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **1.3 Phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.**

#### ***1.3.1 Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp***

- **Khái niệm**

Hoạt động tài chính là một bộ phận của hoạt động sản xuất kinh doanh và có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều ảnh hưởng tới tình hình tài chính của doanh nghiệp. Ngược lại, tình hình tài chính tốt hay xấu lại có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Do vậy, phân tích hoạt động tài chính giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phân tích hoạt động tài chính là việc miêu tả các mối quan hệ cần thiết giữa các khoản và các nhóm khoản mục trên báo cáo tài chính để xác định các chỉ tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan trong việc đưa ra các quyết định tài chính phù hợp với mục tiêu của đối tượng đó.

- **Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp**

Phân tích tài chính doanh nghiệp mà trọng tâm là phân tích báo cáo tài chính và các chỉ tiêu tài chính đặc trưng thông qua hệ thống các phương pháp, công cụ và kỹ thuật giúp người ta sử dụng thông tin từ các góc độ khác nhau vừa đánh giá được toàn diện, tổng quát và khái quát lại, vừa xem xét lại một cách chi tiết hoạt động tài chính doanh nghiệp để nhận biết, dự báo và đưa ra quyết định tài chính, quyết định đầu tư phù hợp. Có rất nhiều người quan tâm và sử dụng thông tin kinh tế của công ty và mỗi người lại theo đuổi những mục tiêu khác nhau. Do nhu cầu về thông tin tài chính công ty rất đa dạng đòi hỏi phân tích tài chính phải được tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau để từ đó đáp ứng nhu cầu của người quan tâm. Chính điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho phân tích tài chính ra đời, ngày càng hoàn thiện và phát triển, đồng thời cũng tạo ra sự phức tạp của phân tích tài chính. Việc phân tích tài chính doanh nghiệp là mối quan tâm hàng đầu của nhiều đối tượng, trước hết là ban giám đốc, các nhà đầu tư, các chủ nợ, những người cho vay, các đối tác... đặc biệt là cơ quan chủ quản nhà nước và người lao động. Mỗi nhóm người này có nhu cầu sử dụng thông tin khác

## *Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình*

---

nhau song họ đều có hướng tập trung vào những khía cạnh riêng trong bức tranh tài chính của doanh nghiệp.

*Đối với nhà quản lý:* Phân tích tài chính nhằm đáp ứng các mục tiêu cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp như: tìm kiếm lợi nhuận, đảm bảo khả năng thanh toán công nợ, tăng sức cạnh tranh trên thị trường... Ngoài ra, nhờ hoạt động phân tích tài chính mà các nhà quản lý doanh nghiệp có thể đánh giá chính xác, kịp thời các thông tin kinh tế, thấy được thực trạng tài chính cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Đối với các nhà đầu tư:* Họ cần có những thông tin trung thực, khách quan về thực trạng tài chính của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn. Do vậy, phân tích hoạt động tài chính đối với nhà đầu tư là để đánh giá khả năng sinh lời, mức độ rủi ro, khả năng hoàn trả... của công ty.

*Đối với người cho vay:* Đây là những người cho công ty vay vốn để đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Khi cho vay họ phải biết chắc được khả năng hoàn trả nợ vay. Do đó, mối quan tâm hàng đầu của họ tới doanh nghiệp là khả năng thanh toán nợ, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Ngoài ra, họ còn quan tâm tới khả năng sinh lời, tiềm năng của doanh nghiệp trong tương lai. Điều này sẽ cho phép họ mạo hiểm hơn trong quyết định cho vay.

*Đối với cơ quan nhà nước:* Giúp Nhà nước nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp để từ đó đề ra các chính sách vĩ mô đúng đắn (chính sách thuế, lãi suất đầu tư...) nhằm tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động.

*Đối với những người hưởng lương trong công ty:* Đây là những người có nguồn thu nhập duy nhất là tiền lương được trả. Tuy nhiên, cũng có những công ty người được hưởng lương có một phần cổ phiếu nhất định trong công ty thì họ có thu nhập từ lương và tiền lời được chia. Cả hai khoản tiền này đều phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh. Do đó, phân tích tài chính giúp họ định hướng việc làm ổn định của mình, trên cơ sở đó yên tâm dốc sức vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tùy thuộc vào công việc được phân công, đảm nhiệm.

*Đối với công ty kiểm toán:* Công ty kiểm toán sẽ sử dụng báo cáo tài chính doanh nghiệp và các bằng chứng khác mà kiểm toán thu thập được để xác định tính hợp lý, trung thực của các số liệu và phát hiện những gian lận hoặc sai sót của doanh nghiệp.

*Từ đó ta thấy, phân tích tài chính là công cụ hữu ích được dùng để xác định giá trị kinh tế, để đánh giá mặt mạnh yếu của một công ty, tìm ra nguyên nhân khách quan và chủ quan, giúp cho từng đối tượng lựa chọn và đưa ra những quyết định phù hợp với mục đích mà họ quan tâm.*

### ***1.3.2 Phương pháp phân tích báo cáo kết quả kinh doanh.***

Phương pháp phân tích tài chính là cách thức, kỹ thuật để đánh giá tình hình tài chính của công ty ở quá khứ, hiện tại và dự đoán tài chính trong tương lai. Từ đó giúp các đối tượng đưa ra quyết định kinh tế phù hợp với mục tiêu mong muốn của từng đối tượng. Để đáp ứng mục tiêu của phân tích tài chính có nhiều phương pháp tiến hành như phương pháp so sánh, phương pháp tỷ lệ, phương pháp phân tích nhân tố, phương pháp dự đoán... Nhưng thông thường người ta hay sử dụng hai phương pháp sau:

- **Phương pháp so sánh:**

- *Điều kiện so sánh:*

Khi so sánh theo thời gian, các chỉ tiêu cần thống nhất về nội dung kinh tế, phương pháp phân tích, đơn vị đo lường. Khi so sánh về không gian, người ta thường so sánh trong một ngành nhất định. Nên ta cần phải quy đổi về cùng một quy mô với cùng một điều kiện kinh doanh tương tự.

- *Tiêu chuẩn so sánh:*

Là chỉ tiêu dùng để làm mốc khi so sánh, tiêu chuẩn so sánh được lựa chọn tùy theo mục tiêu so sánh. Mục tiêu so sánh sẽ quy định các kỹ thuật, phương pháp để đạt được mục tiêu đã đề ra.

- *Mục tiêu so sánh:* để đáp ứng các mục tiêu sử dụng của những chỉ tiêu so sánh, quá trình so sánh giữa các chỉ tiêu được thể hiện dưới 3 hình thái:

- + **Số tuyệt đối:** là kết quả so sánh giữa các kỳ phân tích, được thực hiện bằng phép trừ (-) giữa các mức độ của chỉ tiêu đang xem xét ở các kỳ khác nhau. So sánh

bằng số tuyệt đối phản ánh biến động về mặt quy mô hoặc khối lượng của chỉ tiêu phân tích.

+ Số tương đối: là kết quả so sánh giữa các kỳ phân tích, được thực hiện bằng phép chia (:) giữa các mức độ của chỉ tiêu đang xem xét ở các kỳ khác nhau. So sánh bằng số tương đối phản ánh mối quan hệ tỷ lệ, kết cấu của từng chỉ tiêu trong tổng thể; hoặc biến động về mặt tốc độ của chỉ tiêu đang xem xét giữa các thời gian khác nhau.

+ Số bình quân: là chỉ số biểu hiện tính phổ biến của chỉ tiêu phân tích.

- *Phân tích theo chiều dọc và phân tích theo chiều ngang*

+ Quá trình so sánh, xác định tỷ lệ, quan hệ tương quan giữa các dữ kiện trên báo cáo tài chính của kỳ hiện hành được gọi là quá trình phân tích theo chiều dọc.

+ Quá trình so sánh, xác định tỷ lệ và chiều hướng tăng giảm của các dữ kiện trên báo cáo tài chính của nhiều kỳ khác nhau, được gọi là quá trình phân tích theo chiều ngang. Tuy nhiên, phân tích theo chiều ngang cần chú ý trong điều kiện xảy ra lạm phát, kết quả tính được chỉ có ý nghĩa khi chúng ta đã loại trừ ảnh hưởng của biến động giá.

- **Phương pháp phân tích tỷ số:**

Nguồn thông tin kinh tế tài chính đã và đang được cải tiến cung cấp đầy đủ hơn, đó là cơ sở hình thành các chỉ tiêu tham chiếu tin cậy cho việc đánh giá tỷ số tài chính trong doanh nghiệp. Việc áp dụng công nghệ tin học cho phép tích lũy dữ liệu và đẩy nhanh quá trình tính toán. Phương pháp phân tích này giúp cho việc khai thác, sử dụng các số liệu được hiệu quả hơn thông qua việc phân tích một cách có hệ thống hàng loạt các tỷ số theo chuỗi thời gian liên tục hoặc gián đoạn.

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ số và đại cương tài chính trong các quan hệ tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp này đòi hỏi phải xác định được các ngưỡng, các định mức để từ đó nhận xét và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu và tỷ số tài chính của doanh nghiệp với các tỷ số tham chiếu.

Trong phân tích tài chính doanh nghiệp, các tỷ số tài chính được phân thành các nhóm chỉ tiêu đặc trưng phản ánh những nội dung cơ bản theo mục tiêu phân tích của doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung có bốn nhóm chỉ tiêu cơ bản sau:

- + Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán
- + Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư
- + Nhóm chỉ tiêu về hoạt động
- + Nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời

### ***1.3.3 Nội dung phân tích báo cáo kết quả kinh doanh***

Quá trình đánh giá khái quát tình hình tài chính qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có thể thông qua việc phân tích 3 nội dung cơ bản sau:

- Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận.
- Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng.
- **Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh.**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động do chức năng kinh doanh đem lại, trong từng thời kỳ hạch toán của doanh nghiệp, là cơ sở chủ yếu để đánh giá, phân tích hiệu quả các mặt, các lĩnh vực hoạt động, phân tích nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân cơ bản đến kết quả chung của doanh nghiệp. Bảng phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đúng đắn và chính xác sẽ là số liệu quan trọng để tính và kiểm tra số thuế doanh thu, thuế lợi tức mà doanh nghiệp phải nộp và sự kiểm tra, đánh giá của các cơ quan quản lý về chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.

*Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình*

**BẢNG PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH  
(Trong 3 năm 2008, 2009, 2010)**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	So với D.thu thuần (%)			2009-2008		2010-2009	
				2008	2009	2010	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
1. Doanh thu từ BH& CCDV										
2. Các khoản giảm trừ DT										
3. Doanh thu thuần từ BH& CCDV										
4. Giá vốn hàng bán										
5. Lợi nhuận gộp										
6. Doanh thu hoạt động TC										
7. Chi phí tài chính										
8. Chi phí quản lý kinh doanh										
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD										
10. Thu nhập khác										
11. Chi phí khác										
12. Lợi nhuận khác										
13. Tổng lợi nhuận trước thuế										
14. Chi phí thuế TNDN										
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN										

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

---

- **Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận**

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp không chỉ tiến hành một loại hoạt động sản xuất mà còn tham gia vào nhiều loại hình hoạt động đa dạng nhằm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của mình. Chính vì vậy, lợi nhuận từ các loại hoạt động thu về khi tổng hợp lại thành lợi nhuận của doanh nghiệp cần phải được tiến hành phân tích và đánh giá khái quát giữa doanh thu, chi phí và kết quả trong mối quan hệ chung trong tổng số các mặt hoạt động.

Căn cứ vào bảng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (phần I: Lãi, Lỗ) ta có thể lập bảng phân tích như sau:

**Bảng 1.1: Phân tích đánh giá về kết cấu chi phí, doanh thu và kết quả**

Chỉ tiêu	Thu nhập		Chi phí		Kết quả	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
Hoạt động sản xuất kinh doanh						
Hoạt động tài chính						
Các hoạt động khác						
<b>Tổng Số</b>						

Qua bảng phân tích trên ta có thể rút ra nhận xét về tình hình doanh thu do các hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại tương ứng với chi phí bỏ ra. Từ đó cho thấy tỉ trọng kết quả của từng loại hoạt động trong tổng số hoạt động mà doanh nghiệp tham gia.

- **Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng của doanh nghiệp**

Các số liệu trên báo cáo tài chính chưa lột tả được hết thực trạng tài chính của doanh nghiệp, do vậy các nhà tài chính còn dùng các chỉ tiêu tài chính để giải thích thêm về các mối quan hệ tài chính và coi các chỉ tiêu tài chính là những biểu hiện đặc trưng nhất về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Các nhóm chỉ tiêu tài chính đặc trưng bao gồm:

- Nhóm chỉ tiêu đặc trưng cho các chỉ số hoạt động của doanh nghiệp.



## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

---

- Nhóm chỉ tiêu đặc trưng cho khả năng sinh lời.

○ ***Các chỉ số về hoạt động:***

Các chỉ số này dùng để đo lường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của một doanh nghiệp bằng cách so sánh doanh thu với việc bỏ vốn vào kinh doanh dưới các loại tài sản khác nhau.

➤ Vòng quay các khoản phải thu:

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp nhanh hay chậm và được xác định theo công thức:

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}}$$

Số dư bình quân các khoản phải thu được tính bằng cách cộng số phải thu đầu kỳ với cuối kỳ rồi chia đôi.

Doanh thu tiêu thụ sản phẩm được tính ở đây chính là tổng doanh thu của ba loại hoạt động (hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác).

Số vòng quay càng lớn, chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu nhanh, đó là dấu hiệu tốt vì doanh nghiệp không phải đầu tư nhiều vào các khoản phải thu (không phải cung cấp tín dụng cho khách hàng hay không bị khách hàng chiếm dụng vốn).

➤ Kỳ thu tiền trung bình:

Kỳ thu tiền trung bình phản ánh số ngày cần thiết để thu hồi được các khoản phải thu (số ngày một vòng quay các khoản phải thu). Vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền trung bình càng nhỏ và ngược lại. Kỳ thu tiền trung bình được xác định theo công thức sau:

$$\text{Kỳ thu tiền trung bình} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

Tuy nhiên, kỳ thu tiền trung bình cao hay thấp trong nhiều trường hợp chưa thể kết luận chắc chắn mà còn phải xem xét lại các mục tiêu và chính sách của doanh nghiệp như: mục tiêu mở rộng thị trường, chính sách tín dụng của doanh nghiệp. Mặt khác, chỉ tiêu này có thể được đánh giá là khả quan nhưng doanh nghiệp cũng cần

## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

---

phải phân tích kỹ hơn vì tầm quan trọng của nó và kỹ thuật tính toán đã che dấu đi các khuyết tật trong việc quản trị các khoản phải thu.

➤ Vòng quay vốn lưu động:

Vòng quay vốn lưu động phản ánh trong kỳ vốn lưu động quay được mấy vòng.

Công thức xác định như sau:

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

Trong đó, vốn lưu động bình quân được tính bằng cách cộng Tài sản lưu động và Đầu tư ngắn hạn đầu kỳ với cuối kỳ rồi chia đôi.

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng vốn lưu động bình quân tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo ra được mấy đồng doanh thu thuần. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn lưu động càng cao. Muốn làm được như vậy thì cần phải rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh tốc độ tiêu thụ hàng hoá...

➤ Số ngày một vòng quay vốn lưu động:

Số ngày một vòng quay vốn lưu động phản ánh trung bình một vòng quay vốn lưu động hết bao nhiêu ngày. Công thức xác định như sau:

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay vốn lưu động}}$$

➤ Vòng quay toàn bộ vốn:

Vòng quay toàn bộ vốn phản ánh vốn của doanh nghiệp trong một kỳ quay được bao nhiêu vòng. Qua chỉ tiêu này ta có thể đánh giá được khả năng sử dụng tài sản của doanh nghiệp thể hiện qua doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản doanh nghiệp đã đầu tư. Công thức xác định như sau:

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn sản xuất bình quân}}$$

Trong đó, vốn sản xuất bình quân được tính bằng cách cộng tổng nguồn vốn đầu kỳ với cuối kỳ rồi chia đôi.

Vòng quay càng lớn hiệu quả sử dụng vốn càng cao.

○ ***Các chỉ số sinh lời :***

➤ Tỷ suất doanh lợi doanh thu:

## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

---

Tỷ suất này thể hiện trong một đồng doanh thu mà doanh nghiệp thu được trong kỳ có mấy đồng lợi nhuận và được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ suất doanh lợi doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Để đánh giá chỉ tiêu này tốt hay xấu phải đặt nó trong một ngành cụ thể và so sánh nó với năm trước và doanh nghiệp cùng ngành.

➤ Tỷ suất doanh lợi tổng vốn (ROA)

Tỷ suất này là chỉ tiêu đo lường mức độ sinh lời của đồng vốn. Chỉ tiêu này phản ánh một đồng vốn bình quân được sử dụng trong kỳ tạo ra mấy đồng lợi nhuận. Công thức xác định:

$$\text{Doanh lợi tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Vốn sản xuất kinh doanh bình quân}}$$

Trong đó vốn sản xuất bình quân được tính bằng cách cộng tổng nguồn vốn đầu kỳ với cuối kỳ chia đôi.

Chỉ tiêu tỷ suất doanh lợi tổng vốn còn được đánh giá thông qua chỉ tiêu vòng quay vốn và doanh lợi doanh thu

$$\text{Doanh lợi tổng vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn sản xuất bình quân}} \times \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

➤ Tỷ suất doanh lợi vốn chủ sở hữu (ROE)

Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tạo ra lợi nhuận ròng cho các chủ nhân của doanh nghiệp đó. Tỷ suất doanh lợi chủ sở hữu là chỉ tiêu để đánh giá mục tiêu đó.

$$\text{Tỷ suất doanh lợi vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn chủ sở hữu bình quân tham gia vào kinh doanh tạo ra mấy đồng lợi nhuận thuần.

Các chỉ số sinh lời rất được các nhà quản trị tài chính quan tâm bởi vì chúng là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ nhất định. Hơn thế các chỉ số này còn là cơ sở quan trọng để các nhà hoạch định đưa ra các quyết định tài chính trong tương lai.

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH.

### **2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Tân Bình**

#### ***2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty***

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Tân Bình.
- Tên giao dịch quốc tế: Tan Binh Company Limited.
- Tên viết tắt: TBCL
- Địa chỉ trụ sở chính: 156 Nguyễn Văn Linh , Lê Chân , thành phố Hải Phòng.
- Tel: 0316252469
- Fax: 0316252468
- Email: [tanbinhltdhp@gmail.com](mailto:tanbinhltdhp@gmail.com)
- Vốn điều lệ : 6.800.000.000 VND
- Mã số thuế : 0200587586

Công ty được thành lập với tên ban đầu là Công ty TNHH Tân Bình (tên giao dịch TBCL) được đăng ký lần đầu ngày 05/05/2004 và đăng ký thay đổi lần hai vào ngày 28/04/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000899 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/05/2004.

#### ***2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TBCL.***

- Khảo sát, xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, cơ sở hạ tầng, công trình trạm và đường dây điện đến 35KW.
- Khảo sát, thiết kế, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Tư vấn, đầu tư, giám sát chất lượng công trình xây dựng, khu công nghiệp, khu đô thị.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

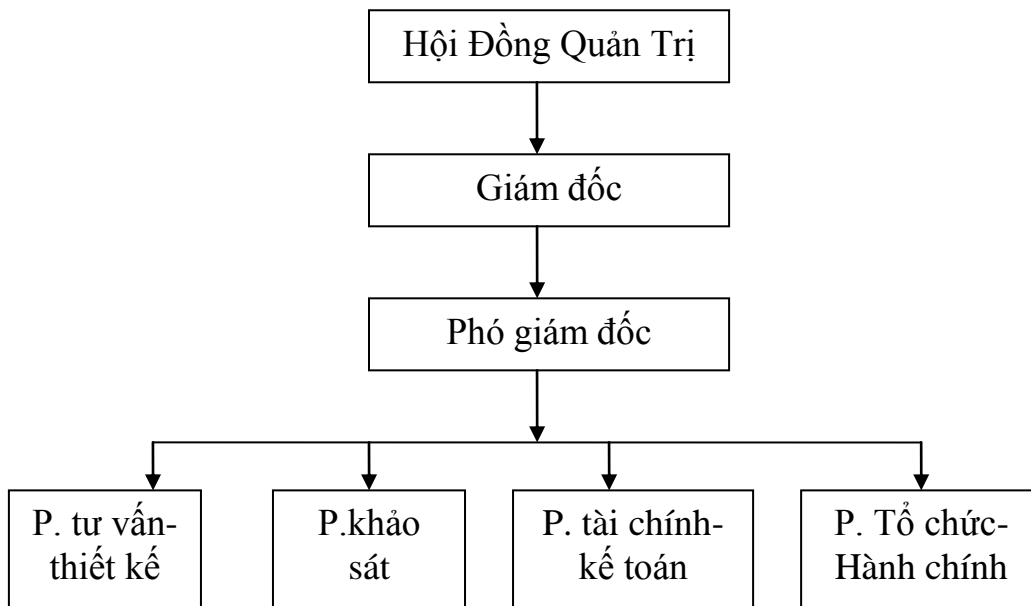
---

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, dự toán cho các công trình, thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, cơ sở hạ tầng các công trình giao thông.

**2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty TBCL .**

Công ty hoạt động trên tinh thần “ Hiệu quả công việc” là chính, bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ, cán bộ nhân viên không nhiều nhưng làm việc đạt hiệu quả cao.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng nên ta có sơ đồ bộ máy quản lý của công ty như sau:



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức Bộ máy quản lý của công ty TBCL**

Với tổ chức bộ máy quản lý như trên mỗi bộ phận đều có một chức năng và quyền hạn nhất định. Các bộ phận này có vai trò quan trọng trong công việc điều hành và quản lý công ty.

**Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị bao gồm các cổ đông tham gia góp vốn trong công ty, người có cổ phiếu cao nhất được bầu làm Chủ tịch hội đồng quản trị. Các cổ đông có quyền tham gia biểu quyết đóng góp ý kiến đối với sự phát triển của Công ty, nhưng quyết định quan trọng vẫn thuộc về Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

---

Cụ thể Hội đồng quản trị quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của công ty; quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc, kế toán trưởng và những người quản lý khác; quyết định phương án sử dụng, phân chia lợi nhuận và xử lý lãi lỗ của công ty.

### **Giám đốc:**

- Bao quát toàn bộ quá trình hoạt động kinh doanh của công ty
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, điều hành hoạt động của công ty đảm bảo bảo toàn vốn và kinh doanh có lãi.
- Thay mặt công ty ký các hợp đồng, văn bản, báo cáo, các chứng từ phát sinh trong quá trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ký đó.
- Quyết định mức lương, tiêu chuẩn, nhiệm vụ xây dựng cơ chế thi đua khen thưởng cán bộ công nhân viên trong công ty .
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong công ty.
- Khi vắng mặt phải uỷ quyền bằng văn bản và chịu trách nhiệm về công việc.

### **Phó giám đốc:**

Dưới Giám đốc là Phó giám đốc, Phó giám đốc là người trực tiếp giúp việc, tham mưu cho Giám đốc công ty.

Hiện công ty có một phó giám đốc, tham gia quản lý cùng Giám đốc công ty phụ trách và chịu trách nhiệm về toàn bộ việc kinh doanh của công ty.

### **Phòng tư vấn-thiết kế:**

- Tham mưu cho Giám đốc lập kế hoạch, quản lý và báo cáo về mặt kỹ thuật tiết kiệm những công trình mà công ty nhận thầu.
- Tham mưu đề xuất các phương án thi công mang lại hiệu quả tốt nhất.
- Thực hiện các công trình đúng tiến độ cũng như chất lượng, đảm bảo công trình có tính thẩm mỹ cao, kết cấu được đảm bảo an toàn.
- Kết hợp chỉ đạo đơn vị thi công thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ trong hợp đồng.

**Phòng khảo sát.**

- Có nhiệm vụ đo đạc tại hiện trường, định vị vị trí xây dựng.
- Khảo sát địa chất tại khu vực xây dựng.
- Thu thập những thông tin cần thiết đầy đủ kịp thời có liên quan đến công trình xây dựng để cho phòng thiết kế thiết kế công trình.

**Phòng Tài chính-Kế toán:**

- Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công ty về quản lý tài chính, tài sản công ty theo đúng quy định trong pháp lệnh kế toán thống kê.
- Lập dự trù kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm theo quy định của công ty.
- Lập báo cáo kế toán tài chính năm theo quy định của công ty
- Tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và hạch toán giá thành sản phẩm theo từng công trình theo đúng các quy định hiện hành.
- Có trách nhiệm xây dựng trình đăng ký kế hoạch tài chính hàng năm.
- Thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê, chế độ kế toán về báo cáo tài chính hiện hành đối với công ty.

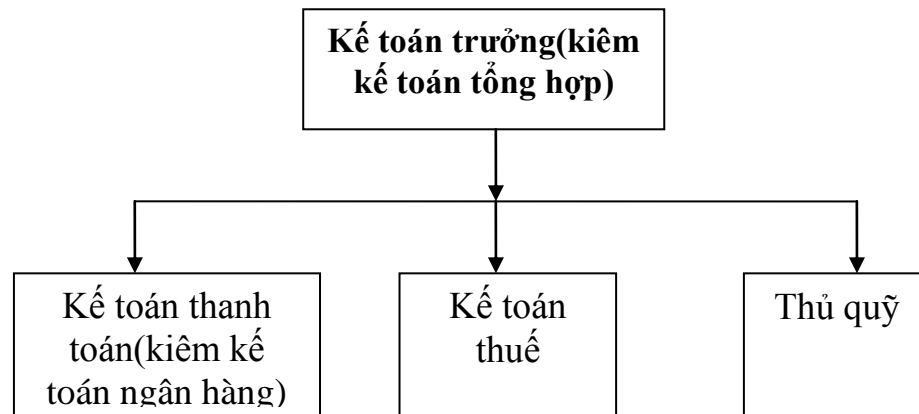
**Phòng Tổ chức- Hành chính**

- Quản lý nhân sự nhằm sử dụng hợp lý và có hiệu quả lao động trong Công ty. Thực hiện các chế độ chính sách theo Luật lao động tiền lương. Chịu trách nhiệm về những hoạt động hàng ngày của văn phòng Công ty.
- Kiểm tra các đơn vị trong công ty thực hiện điều lệ tổ chức và lao động, quy định, quy chế về công tác tổ chức lao động theo chủ trương, đường lối của đảng và chính sách của nhà nước hiện hành.
- Nghiên cứu xây dựng các văn bản phục vụ cho các công tác quản lý tổ chức lãnh đạo đối với các đơn vị thuộc công ty. Dự thảo quy chế điều lệ tổ chức lao động, sửa đổi, điều lệ của công ty trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định.
- Tổ chức triển khai, lãnh đạo, đôn đốc kiểm tra công tác quản lý lao động và điều động, tuyển dụng và sử dụng lao động theo đúng các quy định của nhà nước hiện hành và nội bộ công ty.

#### **2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TBCL.**

##### **2.1.4.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TBCL.**

Để thực hiện được các yêu cầu của công tác quản lý và hạch toán thống nhất trong công ty. Công ty đã áp dụng mô hình tổ chức kế toán tập trung theo sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty TBCL**

Theo sơ đồ trên:

##### **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:**

- Là người giúp việc cho Giám đốc công ty, tổ chức chỉ đạo toàn bộ hệ thống kế toán thống kê tài chính trong công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc công ty và sự chỉ đạo kiểm tra về mặt chuyên môn của các cơ quan quản lý tài chính của nhà nước, tham vấn cho giám đốc để có thể ra các quyết định hợp lý.

- Đồng thời tổng hợp các số liệu kế toán trên cơ sở số liệu sổ sách do kế toán viên cung cấp và tiến hành lập báo cáo tài chính, trực tiếp thông báo, cung cấp thông tin nhằm tư vấn cho giám đốc Công ty về vấn đề tài chính kế toán của Công ty.

##### **Kế toán thanh toán kiêm kế toán ngân hàng**

- Chịu trách nhiệm theo dõi công nợ với khách hàng, các nhà cung cấp và thầu phụ. Kiểm tra kiểm soát các chứng từ mua vật tư của công ty, tính hợp lý của chứng từ trước khi trình kế toán trưởng phê duyệt. Chịu trách nhiệm theo dõi cả khoản tài chính liên quan đến ngân hàng, giao dịch với ngân hàng.



**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

---

- Có nhiệm vụ hàng tháng lập nhu cầu vốn, giao dịch vay vốn với ngân hàng, mở sổ sách theo dõi tiền vay, tiền gửi ngân hàng, lập báo cáo; kiểm tra chứng từ đầu vào, thanh toán với người bán, người tạm ứng.

**Kế toán thuế**

- Theo dõi các khoản thuế, tính lập các tờ khai thuế hàng tháng.  
- Chịu trách nhiệm lập báo cáo thuế cho công ty, tính ra số thuế phải nộp hoặc được hoàn lại cho đơn vị; tính toán và trích nộp đầy đủ, kịp thời các khoản nộp vào ngân sách nhà nước.

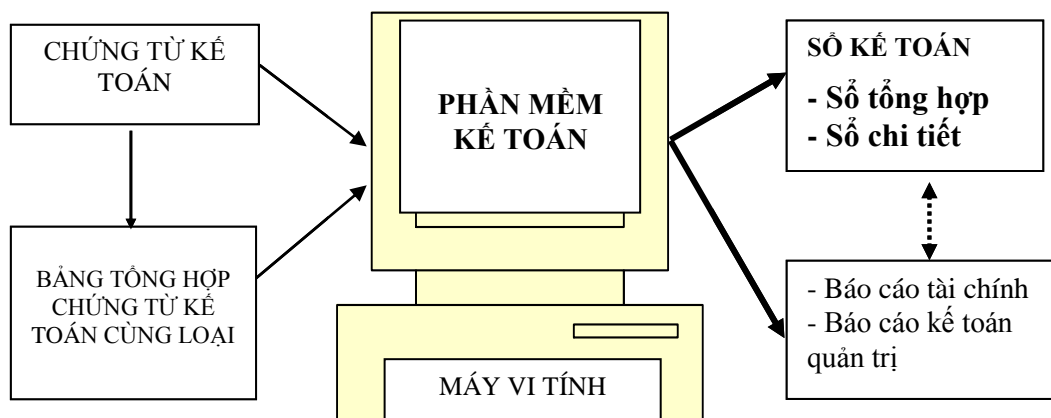
**Thủ quỹ**

Có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày.

*2.1.4.2 Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty.*

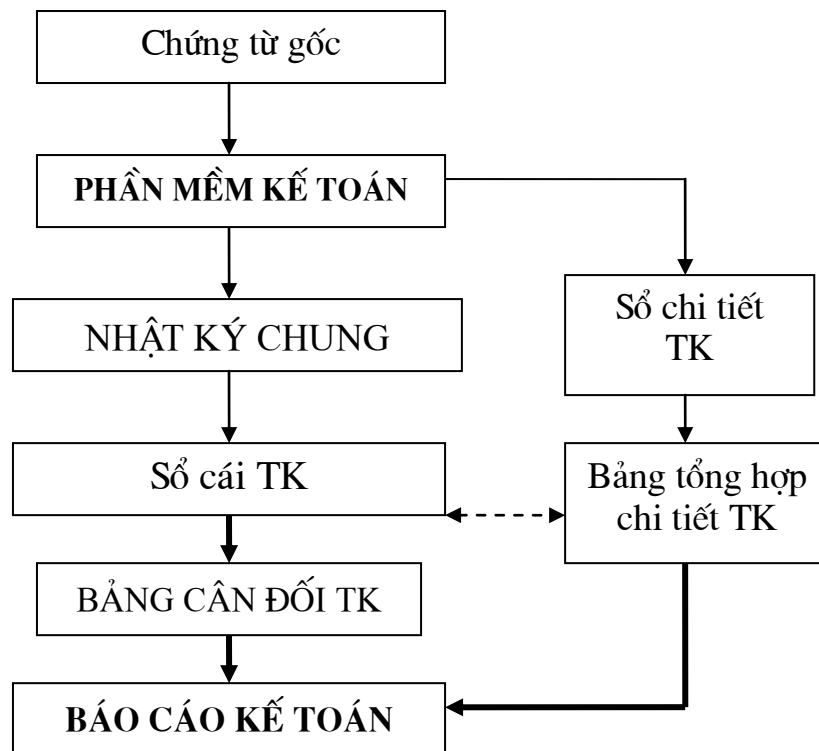
Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy theo sổ nhật ký chung.

**Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy**



**Ghi chú:**   
→ Ghi số liệu hàng ngày  
→ Ghi cuối tháng, cuối năm  
↔ Đối chiếu, kiểm tra

**Trình tự hạch toán**



**Sơ đồ 2.6 Trình tự hạch toán doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả kinh kinh  
tại công ty TBCL.**

- Ghi chú:**
- > Ghi số liệu hàng ngày
  - > Ghi cuối tháng, cuối năm
  - ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

**Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản sử dụng

TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh

TK 421 : Lợi nhuận ch- a phân phối

## *Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình*

---

### Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu và chi phí. Nếu doanh thu > chi phí → doanh nghiệp lãi → phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Nếu doanh thu < chi phí → doanh nghiệp bị lỗ → không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ vào các chứng từ, số liệu trên kế toán chọn “phân hệ kế toán tổng hợp” → “cập nhật số liệu” → “bút toán kết chuyển tự động. Phần mềm sẽ tự động thực hiện bút toán kết chuyển

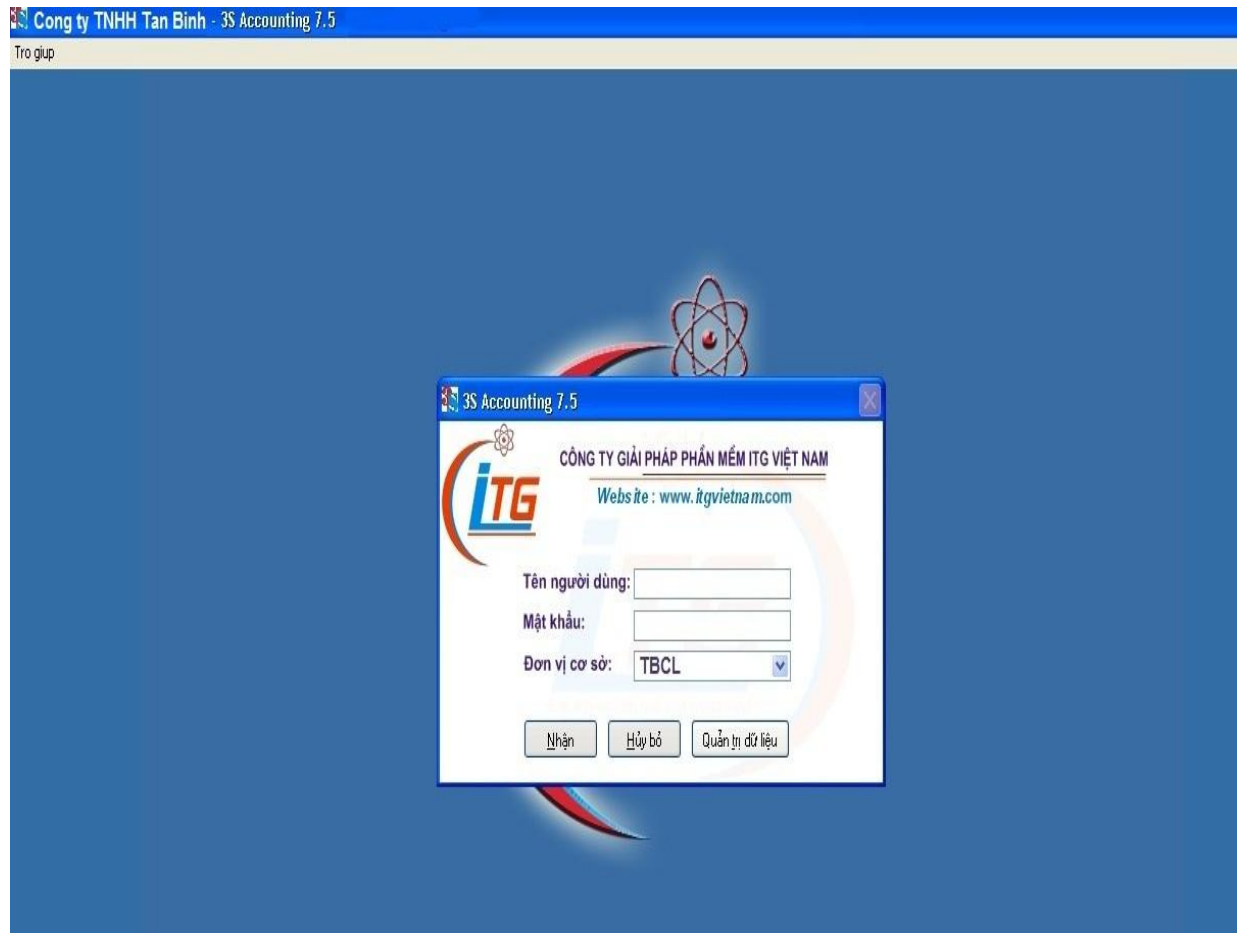
Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào các sổ kế toán tổng hợp (sổ cái và sổ nhật ký chung) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào) kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với Báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

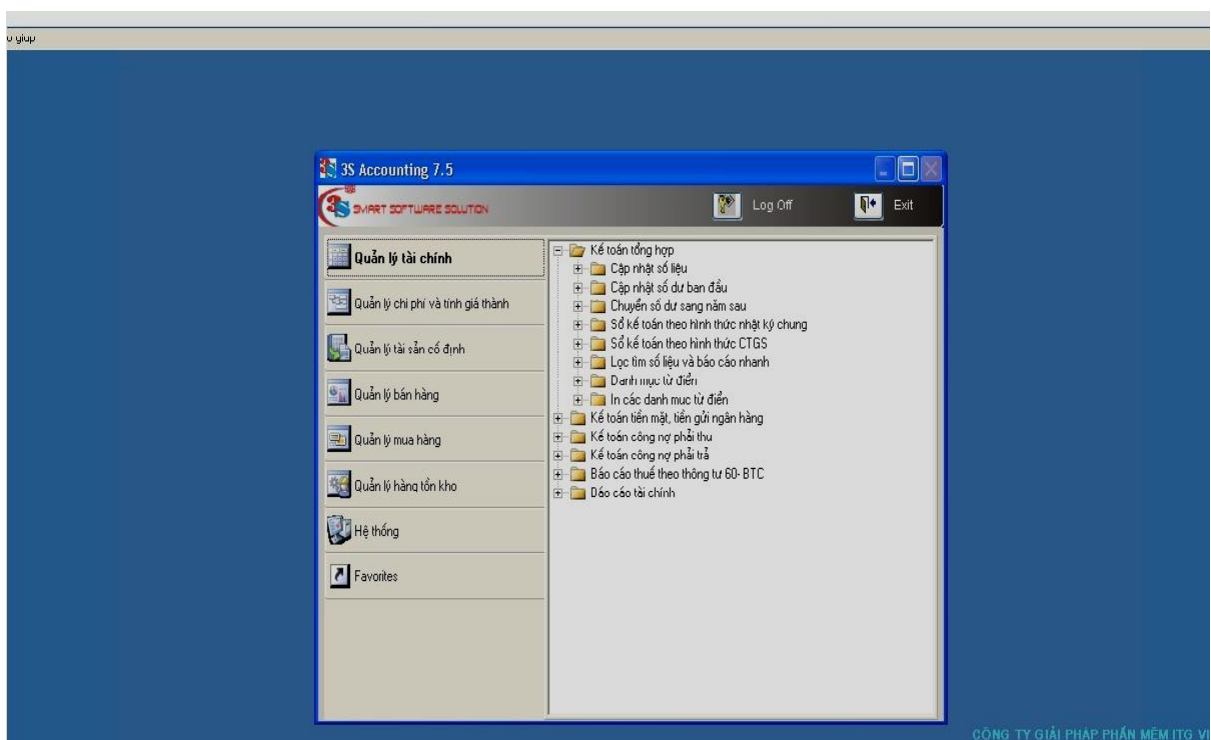
Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Hiện công ty đang sử dụng phần mềm kế toán 3S Finance 7.5

## Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình



Khi màn hình hiện lên, người dùng nhập tên và mật khẩu rồi ấn “nhận”:



## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

---

Kế toán sẽ chọn vào các phần hành mà mình muốn làm. Cập nhật dữ liệu vào máy vi tính và in các bảng biểu cần thiết đã được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

*Chính sách, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty*

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Công ty tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Công ty tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hệ thống các chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **2.2 Thực trạng tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TBCL.**

#### ***2.2.1 Cơ sở số liệu lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TBCL.***

Tại công ty TBCL cơ sở số liệu để lập Báo cáo kết quả kinh doanh là:

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010.
- Sổ kế toán tổng hợp trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

#### ***2.2.2 Trình tự lập báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TBCL.***

*2.2.2.1 Kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán trên sổ nhật ký chung:*

Định kỳ kế toán tiến hành kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nghĩa là các nghiệp vụ kế toán được kế toán nhập vào máy tính có chứng từ hay không. Nếu có sai sót, kế toán phải có biện pháp xử lý kịp thời.

Các bước kiểm tra như sau:

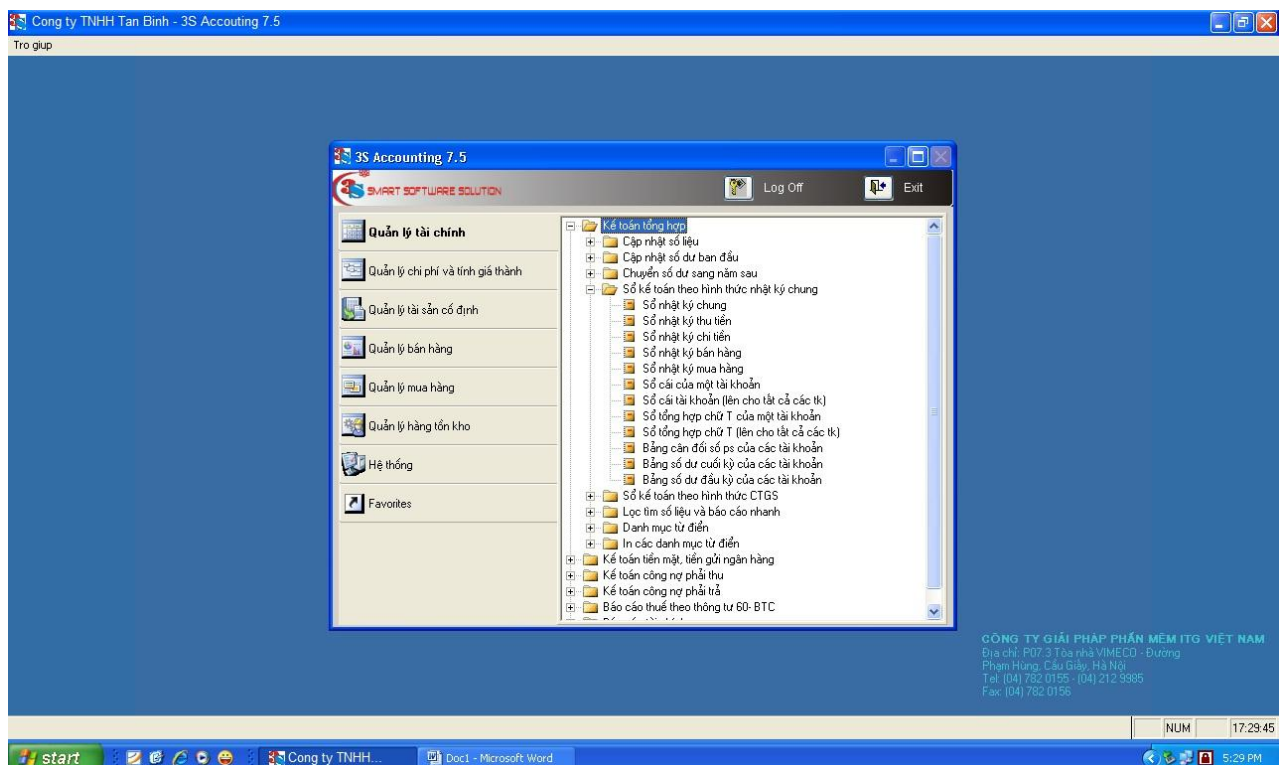
Bước 1: Kế toán tiến hành in sổ Nhật ký chung.

Bước 2: Căn cứ vào sổ nhật ký chung, lọc và sắp xếp chứng từ theo trình tự thời gian phát sinh các nghiệp vụ.

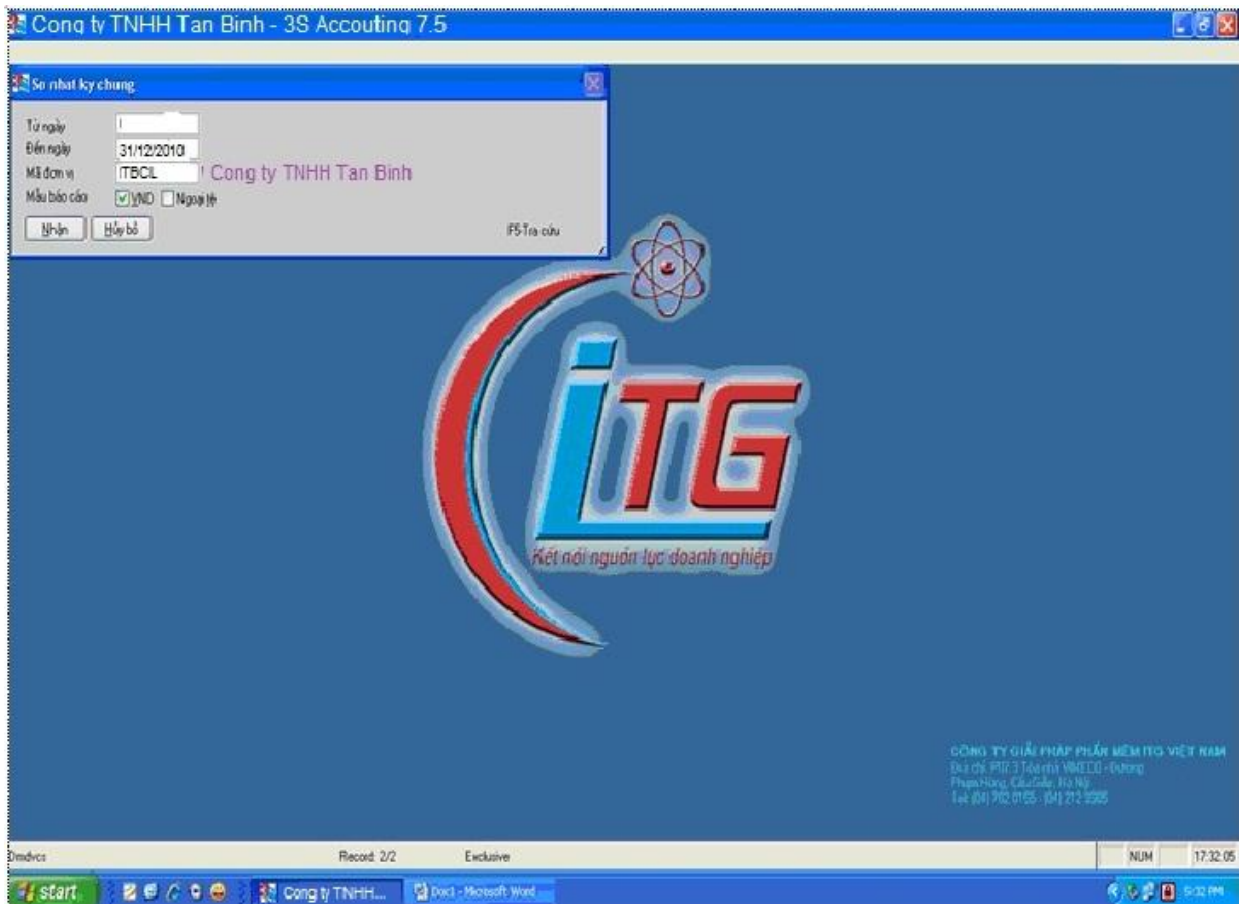
## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

**Bước 3:** Kiểm tra, đối chiếu chứng từ với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào Nhật ký chung trên các khía cạnh:

- Số lượng chứng từ với số lượng các nghiệp vụ được phản ánh vào sổ Nhật ký chung.
  - Nội dung kinh tế từng chứng từ với nội dung kinh tế từng nghiệp vụ được phản ánh vào sổ Nhật ký chung.
  - Kiểm soát quan hệ đối ứng tài khoản trong sổ Nhật ký chung.
  - Kiểm soát sự phụ hợp về số tiền theo từng chứng từ và số tiền nghiệp vụ phản ánh trong sổ nhật ký chung.
  - Kiểm soát ngày chứng từ trên chứng từ kế toán, ngày chứng từ trên sổ Nhật ký chung, và ngày ghi sổ chứng từ.
  - Chọn mục “quản lý tài chính”, “kế toán tổng hợp”. Màn hình xuất hiện
- Sau đó chọn khoản mục “Sổ Nhật ký chung”. Màn hình xuất hiện



## Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình



Sau khi màn hình hiện lên như trên, người dùng nhập ngày tháng cần xem sổ nhật ký chung, rồi ấn “nhận”. Màn hình xuất hiện sổ nhật ký chung.

Ngày	Ma_ct0	So_ct	So_ct0	Ma_kh	Ten_kh	Diện_giai	Tk	Ten_tk	Ps_no	Ps_co	Ma_vv	Ma_ct
						Tổng phát sinh trong kỳ			18 084 362 521	18 084 362 521		
01/12	PC	189	666098	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán dịch vụ viễn thông	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	352 929			PC1
01/12	PC	189	666098	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán dịch vụ viễn thông	1111	Tiền Việt Nam		352 929		PC1
01/12	PC	189	666098	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán dịch vụ viễn thông	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của f	35 293			PC1
01/12	PC	189	666098	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán dịch vụ viễn thông	1111	Tiền Việt Nam		35 293		PC1
01/12	PC	190	42253	CB001	Mai Văn Sỹ	Thanh toán tiền điện thoại	142	Chi phí trả trước ngắn hạn	6 981 818			PC1
01/12	PC	190	42253	CB001	Mai Văn Sỹ	Thanh toán tiền NVL	1111	Tiền Việt Nam		6 981 818		PC1
01/12	PC	190	42253	CB001	Mai Văn Sỹ	Thanh toán tiền NVL	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của f	698 182			PC1
01/12	PC	190	42253	CB001	Mai Văn Sỹ	Thanh toán tiền NVL	1111	Tiền Việt Nam		698 182		PC1
01/12	PC	191	15285	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền VLXD	2412	Xây dựng cơ bản	7 714 278			PC1
01/12	PC	191	15285	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền VLXD	1111	Tiền Việt Nam		7 714 278		PC1
01/12	PC	191	15285	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền VLXD	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của f	385 713			PC1
01/12	PC	191	15285	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền VLXD	1111	Tiền Việt Nam		385 713		PC1
01/12	PC	192	2017499	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền nước	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	581 095			PC1
01/12	PC	192	2017499	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền nước	1111	Tiền Việt Nam		581 095		PC1
01/12	PC	192	2017499	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền nước	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của f	25 265			PC1
01/12	PC	192	2017499	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền nước	1111	Tiền Việt Nam		25 265		PC1
01/12	PKT	17		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Thuê nhà T10/2010	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1 011 600			PN1
01/12	PKT	17		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Thuê nhà T10/2010	331	Phải trả cho người bán		1 011 600		PN1
01/12	PKT	17		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Thuê nhà T10/2010	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của f	101 160			PN1
01/12	PKT	17		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Thuê nhà T10/2010	331	Phải trả cho người bán		101 160		PN1
01/12	PKT	18		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Tiền thuê nhà T11/2010	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1 011 600			PN1
01/12	PKT	18		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Tiền thuê nhà T11/2010	331	Phải trả cho người bán		1 011 600		PN1
01/12	PKT	18		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Tiền thuê nhà T12/2010	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1 011 600			PN1
01/12	PKT	18		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Tiền thuê nhà T12/2010	331	Phải trả cho người bán		1 011 600		PN1
01/12	PKT	18		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Tiền thuê nhà T12/2010	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của f	202 320			PN1
01/12	PKT	18		AP016	Công ty kinh doanh nhà	Tiền thuê nhà T12/2010	331	Phải trả cho người bán		202 320		PN1
02/12	PC	193	9780	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền sửa chữa máy f	6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9 190 000			PC1
02/12	PC	193	9780	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền sửa chữa máy f	1111	Tiền Việt Nam		9 190 000		PC1
02/12	PC	193	9780	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền sửa chữa máy f	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của f	459 500			PC1
02/12	PC	193	9780	CB017	Trần Thị Lộc	Thanh toán tiền sửa chữa máy f	1111	Tiền Việt Nam		459 500		PC1

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

---

Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc tiến hành đối chiếu số liệu trên các chứng từ gốc đó với sổ nhật ký chung.

VD: Ngày 31/10/2010, HĐ GTGT 93568, theo hợp đồng 03/2010/TLHĐ.

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT đối chiếu với sổ Nhật ký chung

**Đơn vị: Công ty TNHH TÂN BÌNH**

**Mẫu số 08 - LĐTL**

Địa chỉ: 156-Nguyễn Văn Linh-Lê Chân-HP ( Ban hành theo QĐ số:15/02/2006/QĐ BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN**

Ngày 20 tháng 05 năm 2010      Số...03.....

Họ và tên :...Nguyễn Văn Quyết.....Chức vụ... giám đốc.....

Đại diện:Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu.....bên giao khoán...

Họ và tên :...Trần Văn Tân.....Chức vụ.....Phó giám đốc....

Đại diện:Công ty TNHH Tân Bình.....bên nhận khoán.....

**CÙNG KÍ KẾT HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN NHƯ SAU**

**I.Điều khoản chung:**

- Phương thức giao khoán : .....
- Điều kiện thực hiện hợp đồng : .....
- Thời gian thực hiện hợp đồng : .....
- Các điều kiện khác : .....

**II.Điều khoản cụ thể :**

1.Nội dung công việc khoán:

San lấp lô đất số 18 thuộc xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng .....

2.Trách nhiệm ,quyền lợi và nghĩa vụ của người nhận khoán:

.....

3.Trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của bên giao khoán :

.....

**Đại diện bên nhận khoán**

(Ký,họ tên)

**Đại diện bên giao khoán**

(Ký,họ tên)

**Người lập**

(Ký,họ tên)

Ngày .....tháng .....năm.....

**Kế toán trưởng bên giao khoán**

(Ký,họ tên)



**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
Liên 1: Lưu

Mẫu số: 01 GTKT-3LL  
EK/2008B  
**0093568**

*Ngày 31 tháng 10 năm 2010*

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tân Bình .....  
Địa chỉ: 156 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân-Hải Phòng .....  
Số tài khoản: .....

Điện thoại: .....MS: 

0	2	0	0	5	8	7	5	8	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

Họ tên người mua hàng: .....  
Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Nam Triệu.....  
Địa chỉ: Xã Tam Hưng, Thủy Nguyên, Hải Phòng.....  
Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: .....MS: 

0	2	0	0	1	5	8	2	2	7
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	san lắp mặt bằng lô đất số 18 tại xã Tam Hưng huyện Thủy Nguyên TLHD 03/2010 TLHD				473.413.412
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>473.413.412</b>
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			<b>47.341.341</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>520.754.754</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi tư ngàn bảy trăm năm mươi tư đồng</i>					

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

CÔNG TY TNHH TAN BINH

**Mẫu số S03a – DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Chứng từ			Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số	Số HĐ			Nợ	Có
			Số phát sinh tháng 10			
			.....			
31/10	HD93568		San lắp mặt bằng HĐ03/2010 (Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu)			
			Phải thu của khách hàng	131	520.754.754	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5111		473 413 412
			Thuế GTGT phải nộp	3331		47 341 341
31/10	PKT 82		KC thuế GTGT phải nộp – 3331, 133			
			Thuế GTGT phải nộp	3331	10 793 311	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1331		10 793 311
31/10	PKT 163		KC doanh thu – 511, 911			
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5111	541 941 626	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		541 941 626
31/10	PKT 164		KC doanh thu – 515, 911			
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	263 839	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		263 839
31/10	PKT 170		KC chi phí khác – 911,811			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	11 236 458	
			Chi phí khác	811		11 236 458
31/10	PKT 237		KC chi phí QLDN – 911,6422			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	174 419 908	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		174 419 908
31/10	PKT 238		KC lãi – 911,6422			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	356 549 099	
			Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212		356 549 099
			.....			

**Tổng cộng: 145.658.880.389    145.658.880.389**

Ngày .... tháng .... năm .....

NGƯỜI GHI SỔ  
Ký, họ tên

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
Ký, họ tên

GIÁM ĐỐC  
Ký, họ tên, đóng dấu

(Nguồn: Trích sổ nhật ký chung tháng 10 năm 2010)

2.2.2.2 Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ nhật ký chung với sổ cái các TK có liên quan:

Từ số liệu được nhập ở sổ nhật ký chung, máy tính sẽ tiếp tục tự động thực hiện nhập số liệu vào các sổ cái các TK có liên quan. Định kỳ, kế toán viên tiến hành kiểm tra số liệu giữa sổ nhật ký chung và sổ cái các TK có liên quan nhằm phát hiện sai sót và kịp thời điều chỉnh cho đúng với số thực tế.

*VD: Tiếp ví dụ ở bước 1 kế toán đối chiếu sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 511*

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

CÔNG TY TNHH TAN BINH

**Mẫu số S03a – DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Chứng từ			Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số	Số HĐ			Nợ	Có
			Số phát sinh tháng 10			
			.....			
31/10	HD91115		<b>San lấp mặt bằng HĐ03/2010 (Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu)</b>			
			Phải thu của khách hàng	131	473 413 412	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5111		473 413 412
			Phải thu của khách hàng	131	47 341 341	
			Thuế GTGT phải nộp	3331		47 341 341
31/10	PKT 82		KC thuế GTGT phải nộp – 3331, 133			
			Thuế GTGT phải nộp	3331	10 793 311	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1331		10 793 311
31/10	PKT 163		KC doanh thu – 511, 911			
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5111	541 941 626	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		541 941 626
31/10	PKT 164		KC doanh thu – 515, 911			
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	263 839	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		263 839
31/10	PKT 170		KC chi phí khác – 911,811			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	11 236 458	
			Chi phí khác	811		11 236 458
31/10	PKT 237		KC chi phí QLDN – 911,6422			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	174 419 908	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		174 419 908
31/10	PKT 238		KC lãi – 911,6422			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	356 549 099	
			Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	4212		356 549 099
			.....			

**Tổng cộng 145.658.880.389 145.658.880.389**

NGƯỜI GHI SỔ

Ký, họ tên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ký, họ tên

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình**

CONG TY TNHH TAN BINH

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 511 - Doanh thu  
Từ ngày 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
01/01	HD 01	Công ty CP Cơ điện lạnh TP Hồ Chí Minh-AR001	Doanh thu HĐ07/2009/HĐ-KSDH	131		1 404 750 000
20/01	HD 02	Công ty TNHH MTV cấp nước Hải Phòng	Doanh thu khảo sát địa chất tuyến đê và cảng biển khu phi thuế quan khu CN sạch phía Nam Sông Cấm	131		2 115 844 657
31/01	PKT 73		KC Doanh thu - 511,911	911	3 520 594 657	
29/10	HD 91114	Công ty TNHH Trung Thành	Khảo sát địa chất HĐ05/2009	131		16 594 703
<b>31/10</b>	<b>HD 91115</b>	<b>Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu</b>	<b>San lấp địa hình HĐ03/2010</b>	<b>131</b>		<b>473 413 413</b>
31/10	HD 91117		Đo vẽ bản đồ địa chính HĐ0037/2009	131		51 933 510
31/10	PKT 163		KC doanh thu - 511,911	911	541 941 626	
25/11	HD 91118	Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu	Đo vẽ bản đồ địa chính HĐ02/2010	131		1 771 874 618
30/11	PKT 173		KC doanh thu - 511,911	911	1 771 874 618	

**Tổng phát sinh nợ: 5 834 410 901**

**Tổng phát sinh có: 5 834 410 901**

**Số dư cuối kỳ : 0**

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

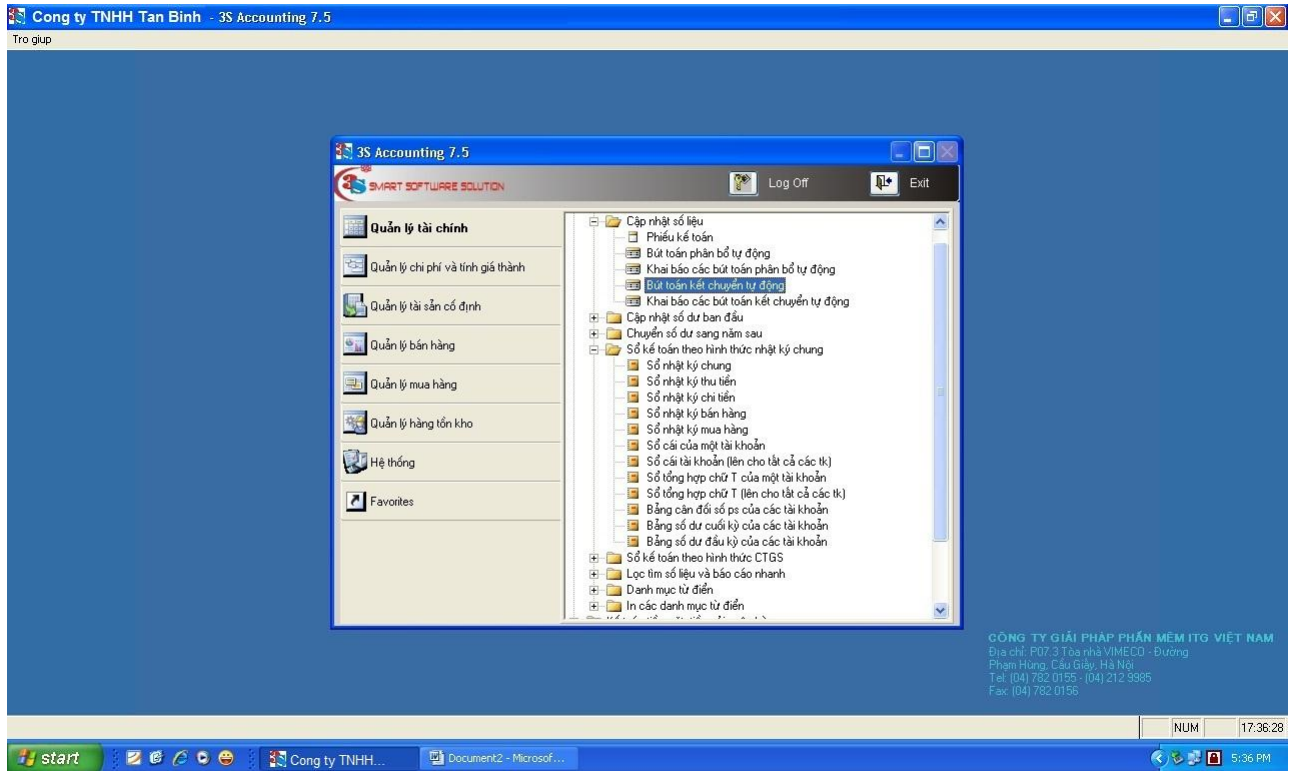
*Lập, ngày ..... tháng ..... năm .....*  
NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

## *Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình*

2.2.2.3 Cuối kỳ, thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và tiến hành khóa sổ kế toán:

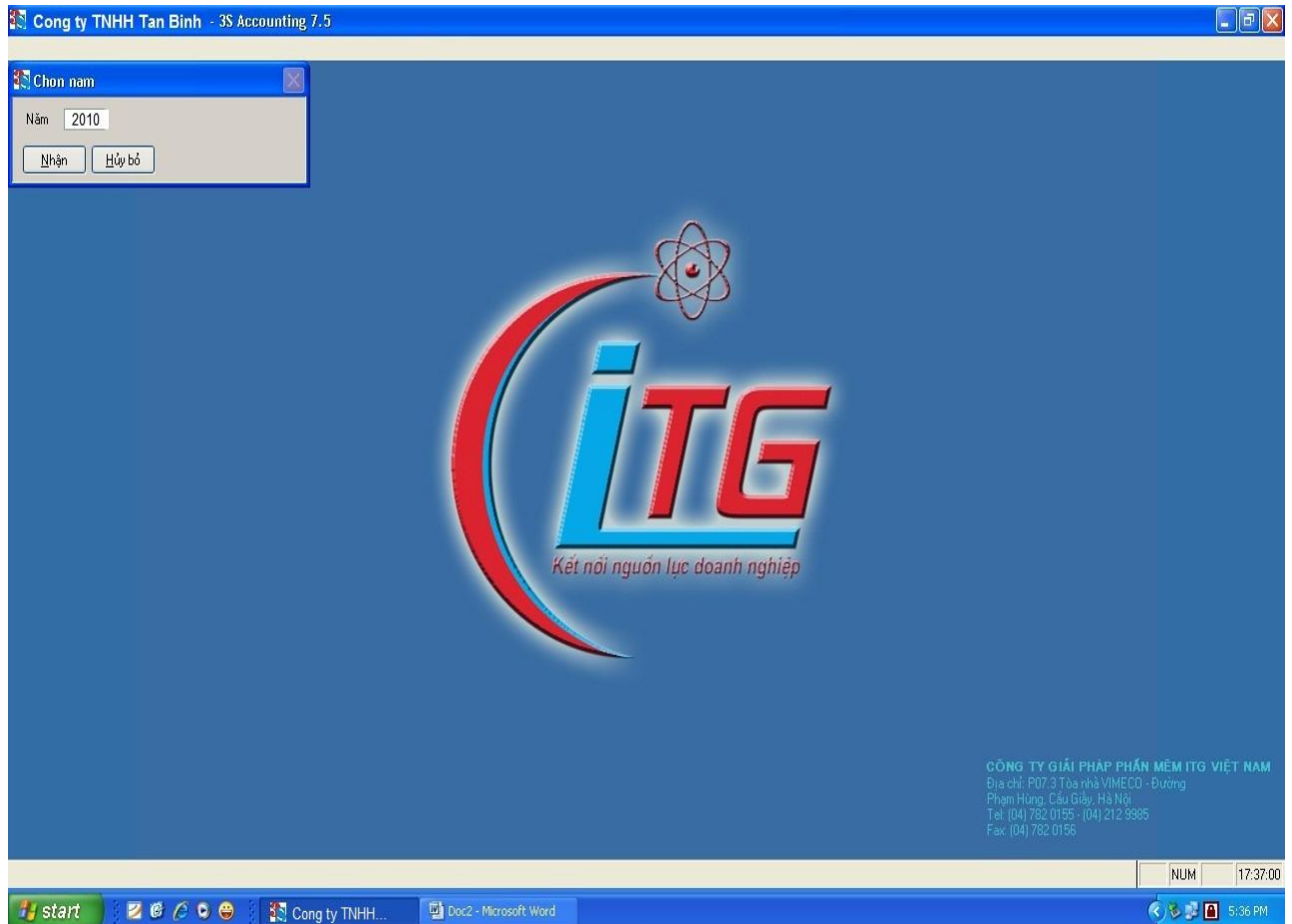
Kế toán phải thực hiện bút toán kết chuyển trung gian:

- Chọn mục “quản lý tài chính”, “cập nhật số liệu”, “bút toán kết chuyển tự động”:



*Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình*

Màn hình xuất hiện:



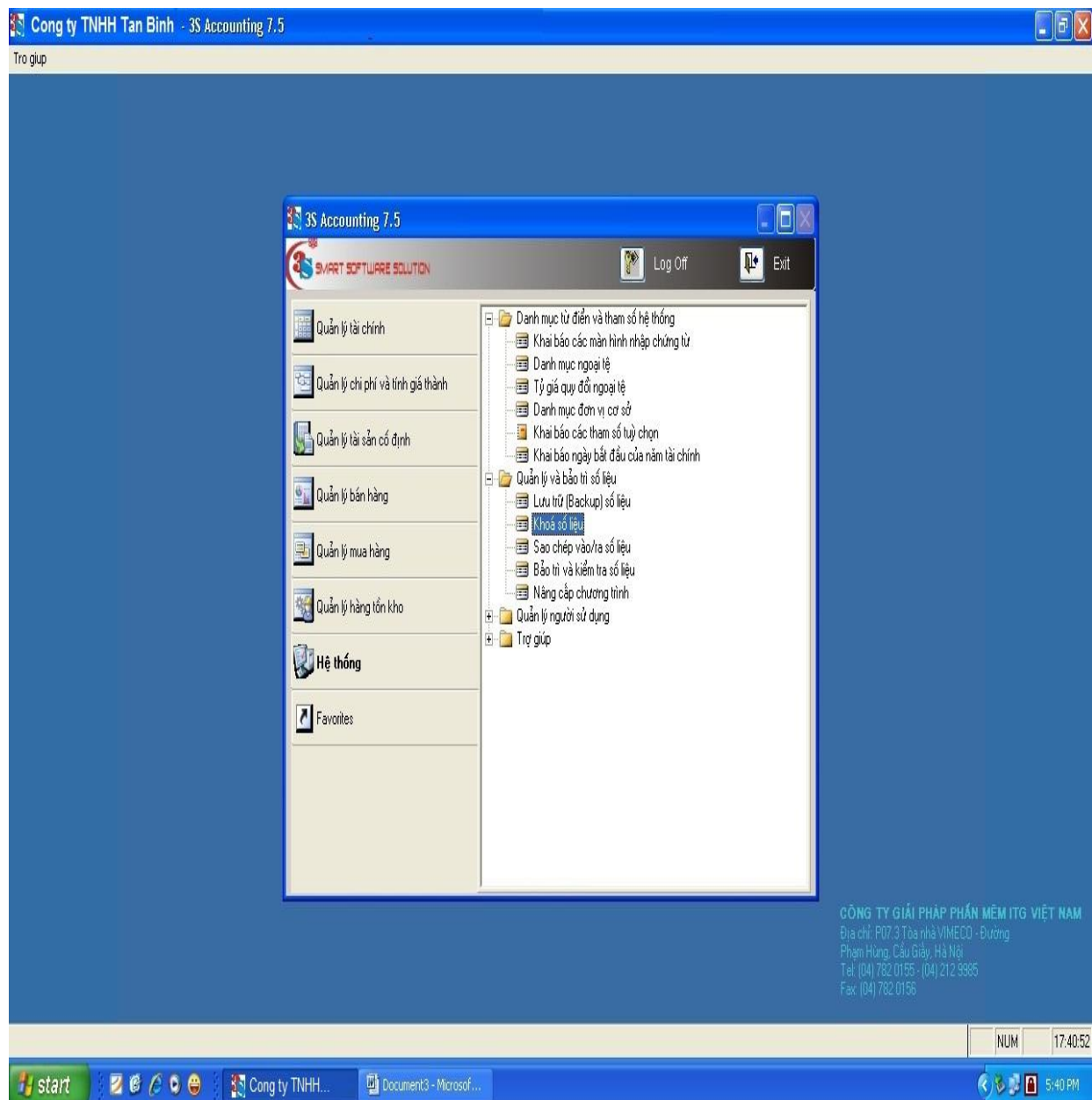
Sau đó, người dùng chọn năm cần kết chuyển là năm 2010 rồi ấn “nhận” phần mềm sẽ tự động kết chuyển các tài khoản của năm 2010

Sau khi hoàn tất thao tác kết chuyển các tài khoản, kế toán cần tiến hành thao tác khóa sổ kế toán :

- Chọn mục “hệ thống”, “quản lý và bảo trì số liệu”, “khóa số liệu”:

Màn hình xuất hiện:

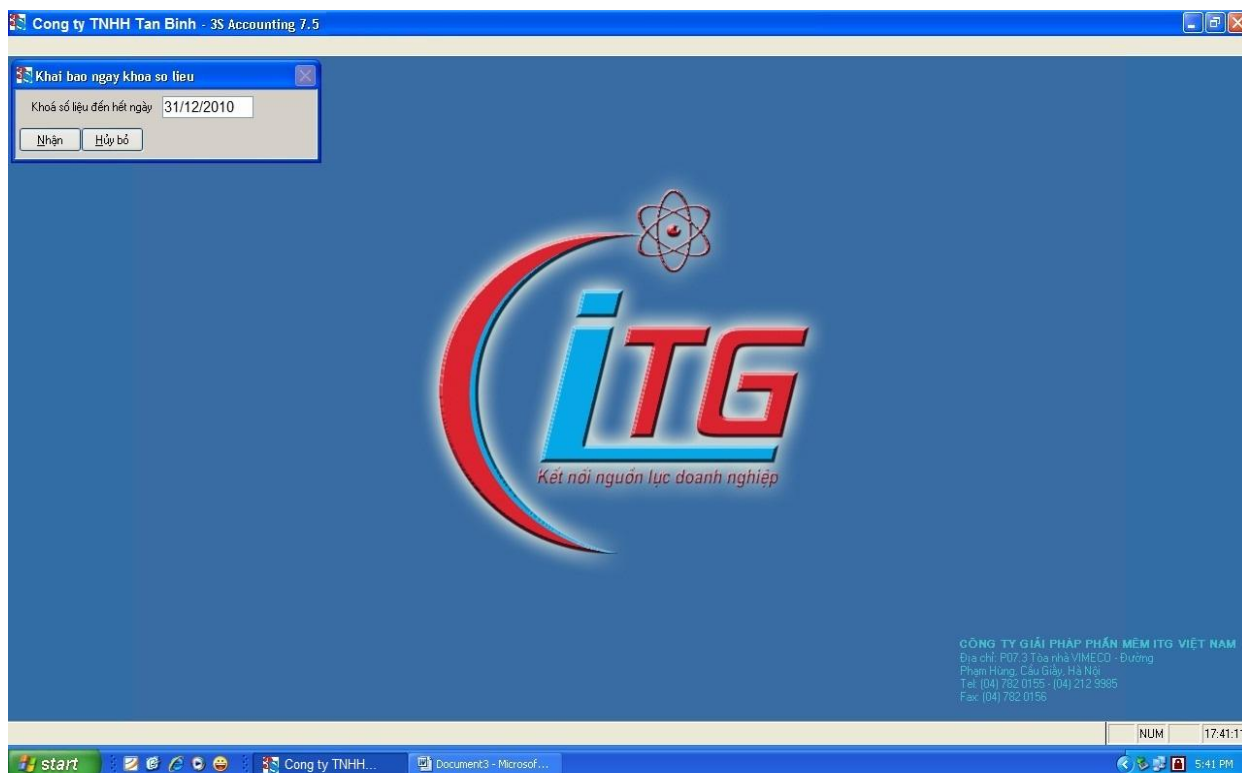
## Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình





## *Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình*

Màn hình xuất hiện:

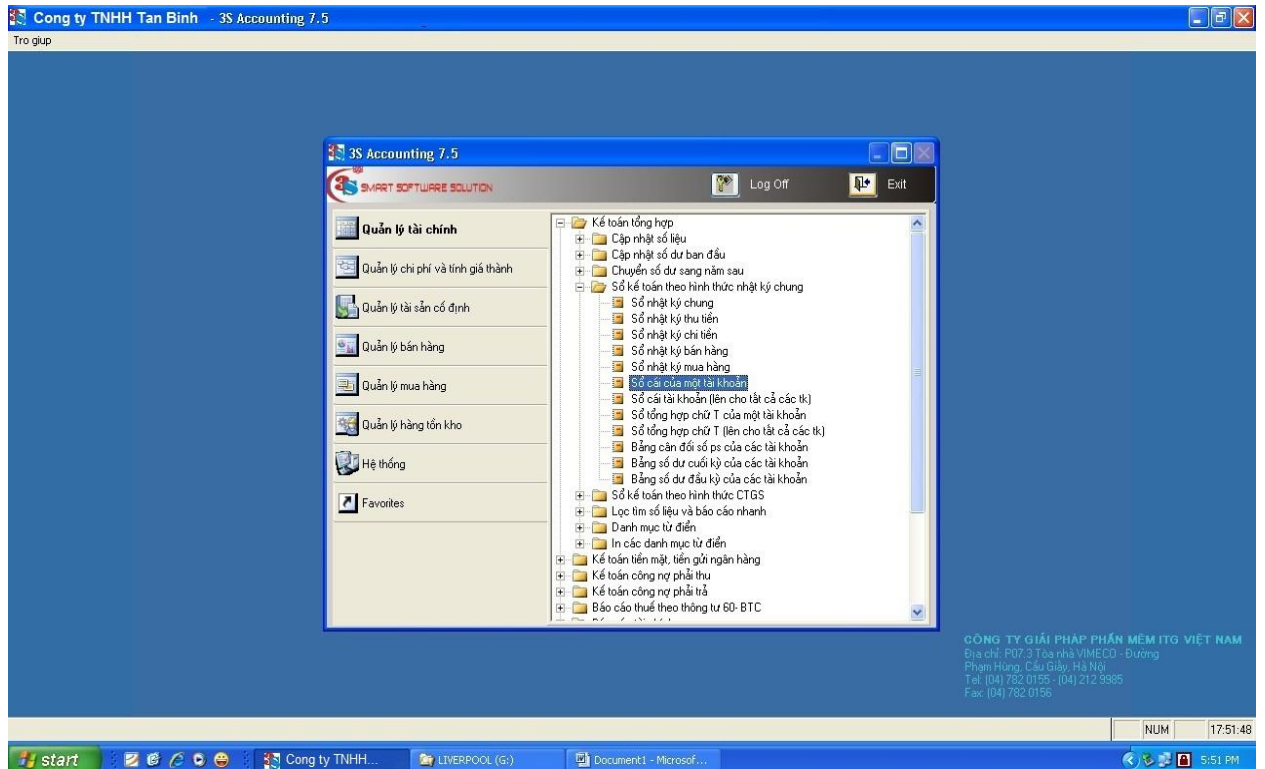


Sau đó, người dùng chọn “khóa số liệu đến hết ngày 31/12/2010”, rồi ấn “nhận”.

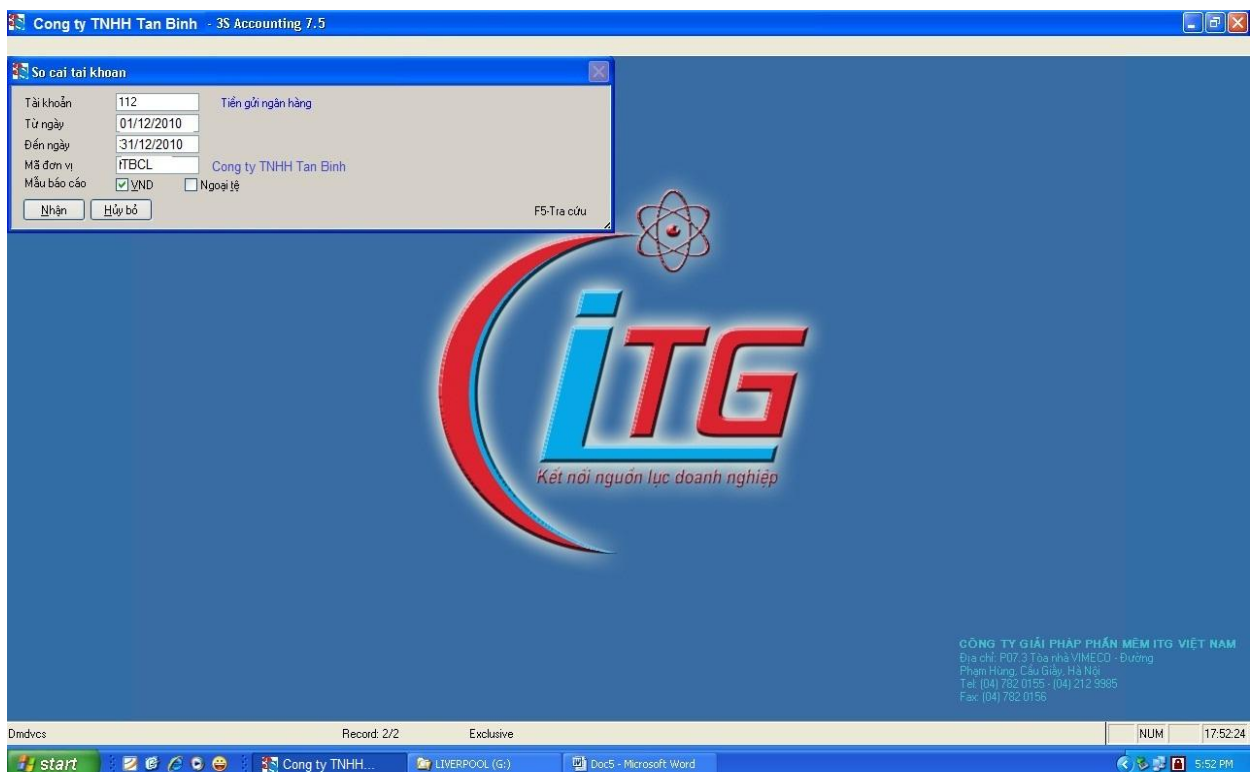
Sau khi khóa sổ kế toán, có thể in ra các sổ cái.

*VD: Để xem và in sổ cái: Chọn mục “quản lý tài chính”, “kế toán tổng hợp”, “sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung”. Màn hình xuất hiện:*

## Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình



Sau đó chọn mục “số cái của một tài khoản”. Màn hình xuất hiện:



Sau khi màn hình hiện lên như trên, người dùng nhập tên tài khoản và ngày tháng rồi ấn “nhận”.

Sau đây, em xin trích dẫn 1 số sổ cái của 1 số TK tại công ty như sau.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình**

CONG TY TNHH TAN BINH

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 511 - Doanh thu  
Từ ngày 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
01/01	HD 01	Công ty CP Cơ điện lạnh TP Hồ Chí Minh-AR001	Doanh thu HĐ07/2009/HĐ-KSDH	131		1 404 750 000
20/01	HD 02	Công ty TNHH MTV cấp nước Hải Phòng	Doanh thu khảo sát địa chất tuyến đê và cảng biển khu phi thuế quan khu CN sạch phía Nam Sông Cấm	131		2 115 844 657
31/01	PKT 73		KC Doanh thu - 511,911	911	3 520 594 657	
.....	.....	.....	.....			
29/10	HD 91114	Công ty TNHH Trung Thành	Khảo sát địa chất HĐ05/2009	131		16 594 703
<b>31/10</b>	<b>HD 91115</b>	<b>Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu</b>	<b>San lấp địa hình HĐ03/2010</b>	<b>131</b>		<b>473 413 413</b>
31/10	HD 91117		Đo vẽ bản đồ địa chính HĐ0037/2009	131		51 933 510
31/10	PKT 163		KC doanh thu - 511,911	911	541 941 626	
25/11	HD 91118	Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu	Đo vẽ bản đồ địa chính HĐ02/2010	131		1 771 874 618
30/11	PKT 173		KC doanh thu - 511,911	911	1 771 874 618	

**Tổng phát sinh nợ: 5 834 410 901**  
**Tổng phát sinh có: 5 834 410 901**  
**Số dư cuối kỳ : 0**

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

*Lập, ngày ..... tháng ..... năm .....*  
NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình**

CONG TY TNHH TAN BINH

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
01/01	UN 01	Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - NH02	Lãi tiền gửi NH T12/2008	1122		4 013
24/01	UN 04	Ngân hàng TMCP á Châu HP - NH01	Lãi tiền gửi NH	1121		236 073
31/01	PKT 74	-	KC doanh thu HĐTC - 515,911	911	240 086	
02/02	UN 63	Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - NH02	Lãi tiền gửi NHĐTPT	1122		39 573
25/02	UN 05	Ngân hàng TMCP á Châu HP - NH01	Lãi tiền gửi NH	1121		285 518
28/02	UN 64	Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - NH02	Lãi tiền gửi NHĐTPT	1122		5 002
28/02	PKT 84	-	KC doanh thu HĐTC - 515,911	911	330 093	
.....	.....	.....	.....			
25/11	UN 56	Ngân hàng TMCP Quân đội - NH03	Lãi tiền gửi NH	1123		4 083
30/11	UN 61	Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - NH02	Lãi tiền gửi NHĐTPT	1122		3 225
30/11	PKT 174	-	KC doanh thu HĐTC - 515,911	911	176 741	
25/12	UN 46	Ngân hàng TMCP á Châu HP - NH01	Lãi tiền gửi NH	1121		33 653
25/12	UN 58	Ngân hàng TMCP Quân đội - NH03	Lãi tiền gửi NH	1123		8 916
31/12	UN 62	Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - NH02	Lãi tiền gửi NH	1122		3 341
31/12	PKT 184	-	KC doanh thu HĐTC - 515,911	911	45 910	

**Tổng phát sinh nợ: 1 938 237**

**Tổng phát sinh có: 1 938 237**

**Số dư cuối kỳ : 0**

*Lập, ngày ..... tháng ..... năm .....*

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình**

CONG TY TNHH TAN BINH

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán  
Từ ngày 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/tr	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12	PKT 40	-	Kết chuyển CP NVL	1541	11 600 000	
31/12	PKT 41	-	Kết chuyển CP NC	1542	395 000 000	
31/12	PKT 42	-	Kết chuyển CP máy thi công	1543	36 000 000	
31/12	PKT 43	-	Kết chuyển CP khác	1544	1 400 000	
31/12	PKT 44	-	Kết chuyển CP NVL	1541	18 132 982	
31/12	PKT 45	-	Kết chuyển CP NC	1542	1 086 000 000	
.....	.....	.....	.....			
31/12	PKT 66	-	Kết chuyển CP NC	1542	11 080 000	
31/12	PKT 67	-	Kết chuyển CP NC	1542	42 328 000	
31/12	PKT 68	-	Kết chuyển CP NC	1542	61 816 000	
31/12	PKT 70	-	Thuê phao bè nổi	1543		351 339 100
31/12	PKT 71	-	Kết chuyển CP máy thi công	1543	212 217 172	
31/12	PKT 72	-	Kết chuyển CP máy thi công	1543	351 339 100	
31/12	PKT 193	-	KC Giá vốn - 911, 632	911		3 458 524 403

**Tổng phát sinh nợ: 4 022 080 675**

**Tổng phát sinh có: 4 022 080 675**

**Số dư cuối kỳ : 0**

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Lập, ngày ..... tháng ..... năm .....  
NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình**

CONG TY TNHH TAN BINH

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh  
 Từ ngày 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Số dư đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
05/01	PC 02	Nguyễn Bá Khải - CB008	Thanh toán tiền xăng xe	1111	703 182	
05/01	PC 02	Nguyễn Bá Khải - CB008	Thanh toán tiền xăng xe	1111	630 000	
09/01	PC 03	Nguyễn Đức Minh - CB003	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	1 496 364	
31/01	PKT 26	-	Lương CBCNV T1/2010	334	63 500 000	
31/01	PKT 74	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	911		133 424 755
11/12	PC 202	Phạm Hồng Phương - CB004	Thanh toán tiền mua khoan	1111	1 050 000	
17/12	PC 205	Nguyễn Bá Khải - CB008	Thanh toán tiền xăng xe	1111	1 053 182	
31/12	PC 242	Trần Thị Lộc - CB017	Thanh toán tiền phòng	1111	1 309 523	
31/12	PKT 37	-	Lương CBCNV T12/2010	334	71 500 000	
31/12	PKT 73	-	Phải trả CNV T13	334	150 000 000	
31/12	PKT 76	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	911		367 720 005

**Tổng phát sinh nợ: 2 052 376 844**  
**Tổng phát sinh có: 2 052 376 844**  
**Số dư cuối kỳ : 0**

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

*Lập, ngày ..... tháng ..... năm .....*  
 NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình**

CONG TY TNHH TAN BINH

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính  
Từ ngày 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
20/04	UN 97	Ngân hàng đầu tư và phát triển VN - NH02	Thanh toán tiền lãi vay	1122	3 475 000	
30/04	PKT 81	-	KC chi phí khác - 911, 635	911		3 475 000
31/08	UN 58	Ngân hàng TMCP Quân đội - NH03	Thanh toán tiền lãi vay	1123	3 675 000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
23/11	UN 78	Ngân hàng TMCP á Châu HP - NH01	Thanh toán tiền lãi vay	1121	8 791 213	
30/11	UN 94	Ngân hàng TMCP Quân đội - NH03	Thanh toán tiền lãi vay	1123	2 296 875	
30/11	PKT 158	-	KC chi phí khác - 911, 635	911		11 088 088
23/12	UN 89	Ngân hàng TMCP á Châu HP - NH01	Thanh toán tiền lãi vay	1121	8 265 250	
31/12	UN 95	Ngân hàng TMCP Quân đội - NH03	Thanh toán tiền lãi vay	1123	2 260 417	
31/12	PKT 169	-	KC chi phí khác - 911, 635	911		10 525 667

**Tổng phát sinh nợ: 43 467 968**  
**Tổng phát sinh có: 43 467 968**  
**Số dư cuối kỳ : 0**

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

*Lập, ngày ..... tháng ..... năm .....*  
NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình**

CONG TY TNHH TAN BINH

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12	PKT 74	-	Chi phí thuế TNDN 2010	3334	46 916 248	
31/12	PKT 75	-	KC chi phí thuế TNDN - 911, 821	911		46 916 248

Tổng phát sinh nợ: 46 916 248

Tổng phát sinh có: 46 916 248

Số dư cuối kỳ : 0

KÊ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Lập, ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI GHI SỔ  
(Ký, họ tên)



**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình**

CONG TY TNHH TAN BINH

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Số dư đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/tr	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/01	PKT 73	-	KC doanh thu - 511, 911	5111		3 520 594 657
31/01	PKT 74	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		240 086
31/01	PKT 74	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	133 424 755	
31/01	PKT 75	-	KC lãi - 911, 4212	4212	3 387 409 988	
28/02	PKT 84	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		330 093
28/02	PKT 221	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	105 974 632	
28/02	PKT 222	-	KC lỗ - 4212, 911	4212		105 644 539
31/03	PKT 94	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		48 243
31/03	PKT 223	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	115 027 274	
31/03	PKT 224	-	KC lỗ - 4212, 911	4212		114 979 031
30/04	PKT 104	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		57 031
30/04	PKT 110	-	KC chi phí tài chính- 911, 635	635	3 475 000	
30/04	PKT 225	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	151 301 290	
30/04	PKT 226	-	KC lỗ - 4212, 911	4212		154 719 277
31/05	PKT 114	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		132 363
31/05	PKT 227	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	163 187 955	
31/05	PKT 228	-	KC lỗ - 4212, 911	4212		163 055 592
30/06	PKT 124	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		72 809
30/06	PKT 229	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	140 101 322	
30/06	PKT 230	-	KC lỗ - 4212, 911	4212		140 028 513
31/07	PKT 134	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		412 389
31/07	PKT 231	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	184 108 832	
31/07	PKT 232	-	KC lỗ - 4212, 911	4212		183 696 443

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình**

31/08	PKT 144	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		23 738
31/08	PKT 150	-	KC chi phí tài chính- 911, 635	635	3 675 000	
31/08	PKT 233	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	162 337 961	
31/08	PKT 234	-	KC lỗ - 4212, 911	4212		165 989 223
30/09	PKT 154	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		135 013
30/09	PKT 160	-	KC chi phí tài chính - 911, 635	635	3 467 755	
30/09	PKT 235	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	163 887 278	
30/09	PKT 236	-	KC lỗ - 4212, 911	4212		167 220 020
31/10	PKT 163	-	KC doanh thu - 511, 911	5111		541 941 626
31/10	PKT 164	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		263 839
31/10	PKT 170	-	KC chi phí tài chính - 911, 635	811	11 236 458	
31/10	PKT 237	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	174 419 908	
31/10	PKT 238	-	KC lãi - 911, 4212	4212	356 549 099	
30/11	PKT 173	-	KC doanh thu - 511, 911	5111		1 771 874 618
30/11	PKT 174	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		176 741
30/11	PKT 180	-	KC chi phí tài chính - 911, 635	635	11 088 088	
30/11	PKT 239	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	181 885 632	
30/11	PKT 240	-	KC lãi - 911, 4212	4212	1 579 077 639	
31/12	PKT 75	-	KC chi phí thuế TNDN - 911, 821	8211	46 916 248	
31/12	PKT 76	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	6422	376 720 005	
31/12	PKT 184	-	KC doanh thu HĐTC - 515, 911	515		45 910
31/12	PKT 190	-	KC chi phí QLDN - 911, 6422	642	10 525 667	
31/12	PKT 193	-	KC giá vốn - 911, 632	632	3 458 524 403	
31/12	PKT2 76	-	KC lỗ - 4212, 911	4212		3 892 640 413

**Tổng phát sinh nợ: 10 924 322 189**

**Tổng phát sinh có: 10 924 322 189**

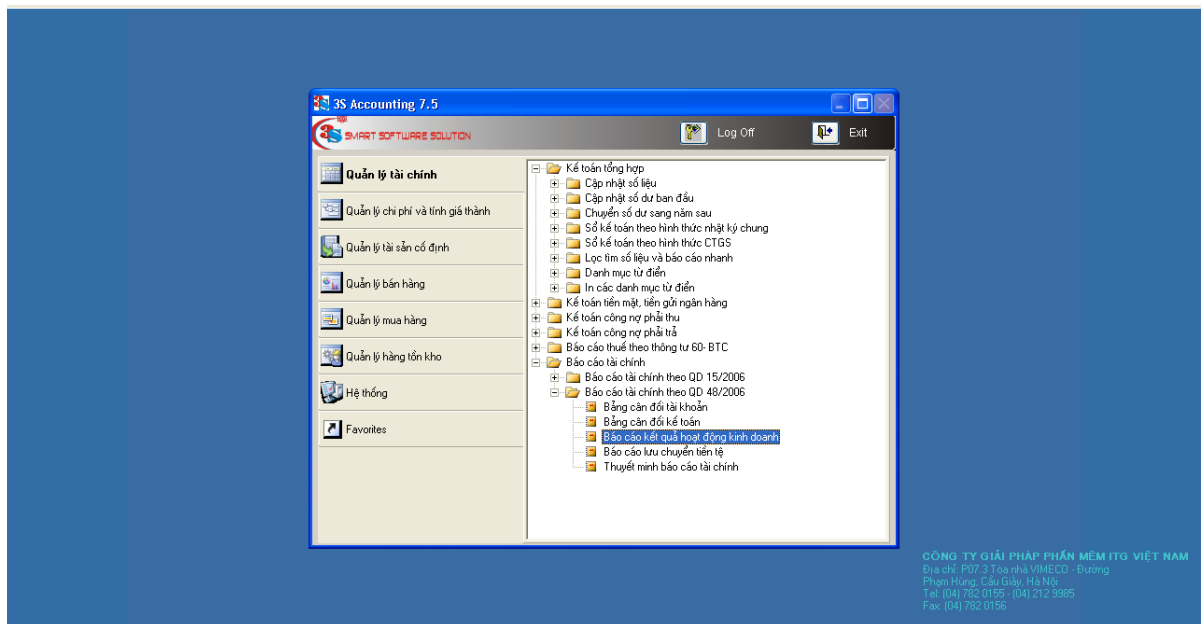
**Số dư cuối kỳ : 0**

## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

### ***2.2.2.4 Lập báo cáo kết quả kinh doanh:***

Sau khi thực hiện xong bút toán kết chuyển tự động cho sổ cái các TK, máy tính sẽ tự động đưa số liệu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Để xem và in báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ta chọn mục “quản lý tài chính”, “báo cáo tài chính”. Màn hình xuất hiện:



Sau đó chọn khoản mục “ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh”. Màn hình sẽ xuất hiện

Người dùng nhập “ngày tháng từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010”, “Chọn báo cáo: “Báo cáo kết quả kinh doanh QĐ48/2006”, “Mã đơn vị: TBCL”, rồi ấn “nhận”. Màn hình xuất hiện báo cáo kết quả kinh doanh.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

Mẫu số: B-02/DNN  
(Ban hành kèm theo Quyết  
định số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Năm 2010**

Người nộp thuế: **CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH**

Mã số thuế: 

0	2	0	0	5	8	7	5	8	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

Địa chỉ trụ sở: 156 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng

Quận Huyện: Lê Chân

Điện thoại: 0313.6252469

Fax: 0313.6252468

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Email: [tanbinhltdhp@gmail.com.vn](mailto:tanbinhltdhp@gmail.com.vn)

*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
A	B	C	(1)	(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.09	5.834.410.901	2.322.122.244
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>		<b>5.834.410.901</b>	<b>2.322.122.244</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		3.458.524.403	811.804.970
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.375.886.498</b>	<b>1.510.317.274</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.938.237	618.647
7. Chi phí tài chính	22			11.892.622
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		2.052.376.844	1.051.436.393
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 24)</b>	<b>30</b>		<b>325.447.891</b>	<b>(2.393.094)</b>
10. Thu nhập khác	31			642.478.080
11. Chi phí khác	32		43.467.968	600.609.854
<b>12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		<b>(43.467.968)</b>	<b>41.868.226</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>IV.10</b>	<b>281.979.923</b>	<b>39.475.132</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		46.916.248	
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)</b>	<b>60</b>		<b>235.063.675</b>	<b>39.475.132</b>

*Lập ngày 10 tháng 03 năm 2011*

Người lập biểu  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

2.2.2.5 *Kiểm tra, ký duyệt:*

Sau khi lập xong BCDKT, người lập biểu in ra, kế toán trưởng sẽ tiến hành kiểm tra lần cuối trước khi trình lên Giám đốc. Sau khi kiểm tra kế toán trưởng ký duyệt và trình Giám đốc ký.

**2.3 Thực trạng tổ chức phân tích tài chính của công ty TBCL thông qua báo cáo kết quả kinh doanh.**

Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một trong những căn cứ quan trọng để ban lãnh đạo công ty có thể đánh giá toàn diện và sát thực về tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, hiện nay công ty TNHH Tân Bình chưa thực hiện tổ chức phân tích báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Do vậy, để đảm bảo hoạt động kinh doanh trong tương lai được tốt hơn công ty cần thiết phải có quy trình phân tích báo cáo tài chính cụ thể, trước hết là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### CHƯƠNG 3

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH

### **3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình.**

#### ***3.1.1 Kết quả đạt được***

##### ***3.1.1.1 Về tổ chức công tác kế toán.***

Bộ máy kế toán của công ty hiện nay được tổ chức theo mô hình tập trung. Mọi nhân viên trong phòng kế toán đều chịu sự chỉ đạo thống nhất, tập trung của kế toán trưởng. Mỗi kế toán viên được phân công phụ trách từng phần hành kế toán cụ thể đảm bảo nguyên tắc phân công đúng người, đúng việc, phát huy được trình độ, năng lực của mỗi người.

Công ty luôn cập nhật các chuẩn mực, chế độ kế toán mới. Cụ thể khi có sự thay đổi về chế độ, chuẩn mực kế toán công ty luôn cử cán bộ kế toán đi tập huấn, đảm bảo cho công tác kế toán của công ty luôn hoạt động hiệu quả và đúng với chuẩn mực, chế độ kế toán do bộ Tài chính ban hành.

Đồng thời công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động đi học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, phát huy tính sáng tạo và tinh thần học tập chính sự thống nhất trong công tác quản lý giữa các phòng ban trong công ty cũng như các phần hành kế toán trong bộ máy kế toán đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý.

Hiện nay công ty đã áp dụng phần mềm kế toán 3S Finance 7.5 và trang bị đủ máy vi tính riêng cho nhân viên làm việc giúp cho công tác kế toán của công ty được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, giảm bớt sai sót, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán nói chung và công tác lập báo cáo tài chính nói riêng.

Là một doanh nghiệp vừa và nhỏ công ty đã áp dụng đúng chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định 48 để thực hiện công tác kế toán là hoàn toàn phù hợp.

## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

---

### ***3.1.1.2 Về tổ chức lập báo cáo kết quả kinh doanh***

- Công ty đã lập BCTC nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng theo trình tự sau:

+ Kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán trên sổ nhật ký chung.

+ Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ nhật ký chung với sổ cái các Tài khoản có liên quan.

+ Cuối kỳ, thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và tiến hành khóa sổ kế toán.

+ Lập báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Kiểm tra, ký duyệt.

- Mặt khác, việc lập báo cáo kết quả kinh doanh được thực hiện trên phần mềm kế toán nên báo cáo kết quả kinh doanh được lập kịp thời, phản ánh trung thực, hợp lý theo đúng biểu mẫu về báo cáo tài chính của Quyết định 48.

### ***3.1.2 Những mặt còn hạn chế***

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức phân tích báo cáo kết quả kinh doanh của công ty còn có hạn chế là cho đến nay công ty vẫn chưa tiến hành phân tích Báo cáo tài chính nói chung cũng như phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng.

## **3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TBCL.**

### **3.2.1 Xây dựng quy trình phân tích.**

Công ty có thể tham khảo quy trình phân tích sau:

#### ***Bước 1: Bố trí nhân sự***

Công ty TBCL là công ty có quy mô vừa và nhỏ nên hiện tại chỉ cần 1 cán bộ thực hiện việc phân tích. Theo em, nên để kế toán trưởng thực hiện phân tích là phù hợp vì kế toán trưởng là người có trình độ cao nhất trong phòng kế toán, có kinh nghiệm nhiều năm và là người chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính

nên hơn ai hết kế toán trưởng là người nắm rõ về các thông tin trên báo cáo tài chính nhất.

***Bước 2: Thu thập thông tin***

Sưu tầm những tài liệu phục vụ cho tổ chức phân tích như:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm trước: 2008, 2009.
- Các tài liệu khác như: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, định hướng phát triển trong những năm tới...
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của những doanh nghiệp cùng ngành...

***Bước 3: Lựa chọn phương pháp phân tích***

Công ty có thể sử dụng 2 phương pháp:

- Phương pháp so sánh.
- Phương pháp tỷ số.

***Bước 4: Lựa chọn nội dung phân tích***

Công ty có thể phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo các nội dung sau:

- Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận.
- Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng.

***Bước 5: Tiến hành phân tích***

- Xử lý tài liệu sưu tầm được, lập các bảng phân tích số liệu, tính toán các chỉ tiêu, so sánh các chỉ tiêu đó qua các năm, đánh giá ảnh hưởng của các chỉ tiêu đó.

- Tiến hành phân tích: trên cơ sở các phương pháp phân tích đã lựa chọn ở bước trên, tiến hành phân tích theo nội dung đã dự kiến.

- Tổng hợp kết quả và rút ra kết luận: sau khi phân tích, tiến hành lập các bảng đánh giá tổng hợp, đánh giá chi tiết...



***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình***

---

Trên cơ sở tổng hợp những kết quả đã phân tích cần rút ra những nhận xét, đánh giá, những thành tích đạt được, những tồn tại cần khắc phục trong hoạt động tài chính.

***Bước 6: Báo cáo kết quả phân tích***

Báo cáo kết quả phân tích được trình bày, thuyết minh cho ban lãnh đạo công ty, lãnh đạo các phòng ban chức năng trong Công ty để cùng trao đổi, thống nhất ý kiến trong báo cáo phân tích đó.

**3.2.2 Thực hiện các nội dung phân tích.**

- ❖ ***Đánh giá khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010***

*Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình*

**BẢNG PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH**

**(Trong 3 năm 2008, 2009, 2010)**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	So với D.thu thuần (%)			2009-2008		2010-2009	
				2008	2009	2010	Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
1. Doanh thu từ BH& CCDV	1,227,133,703	2,322,122,244	5,834,410,901	100	100	100	1,094,988,541	89.23	3,512,288,657	151.25
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				0	0	0	0		0	
3. Doanh thu thuần từ BH& CCDV	1,227,133,703	2,322,122,244	5,834,410,901	100	100	100	1,094,988,541	89.23	3,512,288,657	151.25
4. Giá vốn hàng bán	442,092,854	811,804,970	3,458,522,403	36.03	34.96	59.28	369,712,116	83.63	2,646,717,433	326.03
5. Lợi nhuận gộp	785,040,849	1,510,317,274	2,375,886,498	63.97	65.04	40.72	725,276,425	92.39	865,569,224	57.31
6. Doanh thu hoạt động TC	466,663	618,647	1,938,237	0.04	0.03	0.03	151,984	32.57	1,319,590	213.30
7. Chi phí tài chính	12,000	11,892,622	0	0.00	0.51	0.00	11,880,622	99005.18	-11,892,622	-100.00
8. Chi phí quản lý kinh doanh	740,722,857	1,501,436,393	2,052,376,844	60.36	64.66	35.18	760,713,536	102.70	550,940,451	36.69
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	44,772,655	-2,393,094	325,447,891	3.65	-0.10	5.58	-47,165,749	-105.34	327,840,985	-13699.46
10. Thu nhập khác	272,850,078	642,478,080	0	22.23	27.67	0.00	369,628,002	135.47	-642,478,080	-100.00
11. Chi phí khác	374,415,194	600,609,854	43,467,968	30.51	25.86	0.75	226,194,660	60.41	-557,141,886	-92.76
12. Lợi nhuận khác	-101,565,116	41,868,226	-43,467,968	-8.28	1.80	-0.75	143,433,342	-141.22	-85,336,194	-203.82
13. Tổng lợi nhuận trước thuế	-56,792,461	39,475,132	281,979,923	-4.63	1.70	4.83	96,267,593	-169.51	242,504,791	614.32
14. Chi phí thuế TNDN	0	0	46,916,248	0.00	0.00	0.80	0		46,916,248	
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-56,792,461	39,475,132	235,063,675	-4.63	1.70	4.03	96,267,593	-169.51	195,588,543	495.47

*(Trích nguồn Báo cáo tài chính của công ty trong 3 năm 2008, 2009, 2010)*

## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

---

Trước khi đi phân tích từng chỉ tiêu tài chính của công ty cần xem xét kết quả về sự biến động tình hình tài chính của công ty các năm gần đây.

Đầu tiên là tỷ lệ các chỉ tiêu so với doanh thu thuần trong các năm vừa qua để thấy được sự biến động của tỷ lệ doanh thu, chi phí so với doanh thu thuần qua các năm.

Để có 100 đồng doanh thu thuần năm 2008, công ty phải bỏ ra 36,03 đồng giá vốn hàng bán, 60,36 đồng chi phí quản lý kinh doanh và đến năm 2008 để có 100 đồng doanh thu thuần công ty phải bỏ ra 34,96 đồng giá vốn hàng bán, 64,66 đồng chi phí quản lý kinh doanh tăng so với năm 2008 là 4,3 đồng.

Nhưng đến năm 2010, để có 100 đồng doanh thu thuần công ty phải bỏ ra 59,28 đồng giá vốn hàng bán, 35,18 đồng chi phí quản lý kinh doanh.

Như vậy, để cùng đạt được 100 đồng doanh thu thuần trong mỗi năm thì giá vốn hàng bán năm 2008 tăng dần đến năm 2010 và chiếm hơn 36% chi phí bỏ ra trong kỳ. Còn chi phí quản lý kinh doanh năm 2008 tăng so với năm 2008 nhưng đến năm 2009 lại giảm đáng kể so với năm 2008, 2009.

Nguyên nhân của sự giảm này, vì trong năm 2010 doanh nghiệp đã có các chính sách tiết kiệm chi phí.

Cứ 100 đồng doanh thu thuần trong năm 2008 thì đem lại 63,97 đồng lợi nhuận gộp đến năm 2008 đem lại 65,04 đồng lợi nhuận gộp. Nhưng đến năm 2009 thì chỉ đem lại 40,72 đồng lợi nhuận gộp. Do trong năm 2010 các loại mặt hàng đều tăng giá làm cho chi phí tăng dẫn đến giá thành những công trình xây dựng trong năm 2010 cũng tăng lên đáng kể làm cho giá vốn hàng bán tăng.

Tốc độ tăng của giá vốn lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu do đó làm tốc độ của lợi nhuận từ năm 2010 đến năm 2009 tăng nhưng không đáng kể. Trong 100 đồng doanh thu chênh lệch về lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 so với năm 2007 là  $-0,1 - 3,65 = - 3,75$  đồng, như vậy 100 đồng doanh thu tăng lên nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh lại không tăng mà giảm xuống thêm 3,75 đồng lợi nhuận, đến năm 2010 con số này lại tăng mạnh

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình***

---

hơn 5,68 đồng so với năm 2008 do năm 2010 công ty nhận được nhiều hợp đồng xây dựng có trị giá lớn.

Trong năm 2008 cứ 100 đồng doanh thu thuần không đem lại đồng lợi nhuận sau thuế nào mà còn bị lỗ 4,63 đồng, năm 2009 cứ 100 đồng doanh thu thuần đem lại 1,70 đồng lợi nhuận sau thuế tăng 6,33 đồng so với năm 2008. Đến năm 2010 con số này tiếp tục tăng, cứ 100 đồng doanh thu thuần đem lại được 4.03 đồng lợi nhuận sau thuế tăng 2,33 đồng so với năm 2009.

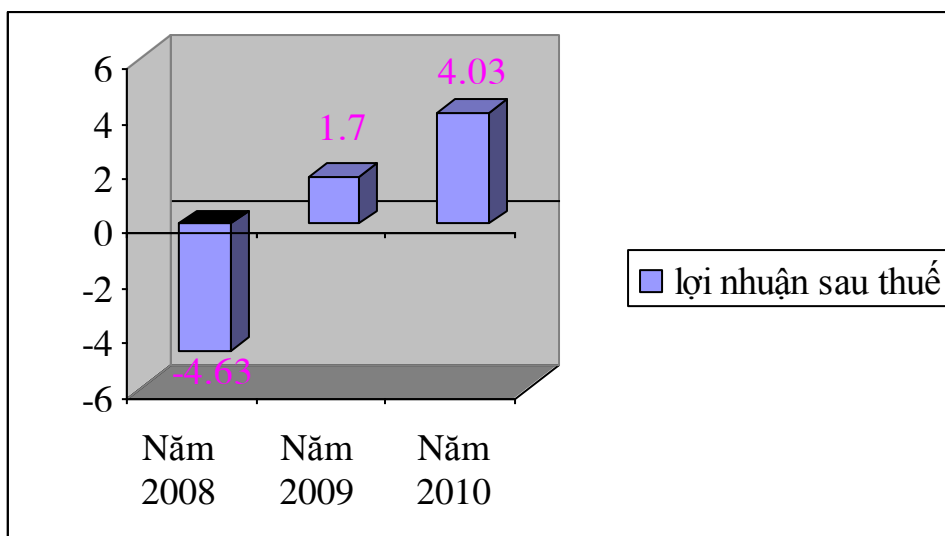
Qua phân tích khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của công ty ta nhận thấy hoạt động của công ty trong năm 2010 vừa qua dù mục đích phát triển đã đạt hiệu quả song công ty phải cố gắng để đảm bảo duy trì tốt hoạt động kinh doanh của mình trong những năm tới và công ty nên xem xét tìm giải pháp nâng khả năng kiểm soát các khoản chi phí của mình để đạt hiệu quả hoạt động cao hơn nữa trong những kỳ tiếp theo.

• *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế*

Chỉ tiêu	So với Doanh thu thuần (%)			Năm 2009 so với năm 2008		Năm 2010 so với năm 2009	
	2007	2008	2009	Số tiền	%	Số tiền	%
Doanh thu thuần	100	100	100	1,094,988,541	89.23	3,512,288,657	151.25
Lợi nhuận sau thuế	<b>-4.63</b>	<b>1.70</b>	<b>4.03</b>	<b>96,267,593</b>	<b>-169.51</b>	<b>195,588,543</b>	<b>495.47</b>

Qua bảng tính trên ta thấy mức biến động lợi nhuận sau thuế của công ty 2009 so với năm 2008 tăng lên 96.267593 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 169,51% đến năm 2010 lợi nhuận sau thuế tiếp tục tăng 195.588.543 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 495,47%. Dưới đây là biểu đồ về tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế.

Tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế



Qua biểu đồ trên ta thấy tốc độ tăng của lợi nhuận so với doanh thu năm 2009 so với năm 2008 tăng, cụ thể năm 2008 cứ 100 đồng doanh thu thì không thu được đồng lợi nhuận sau thuế nào chứng tỏ năm đó công ty đã bị lỗ, nhưng đến năm 2009 thì cứ 100 đồng doanh thu lại thu về 1,7 đồng và đến năm 2010 thì lợi nhuận lại tăng thêm, 100 đồng doanh thu thu được 4,03 đồng lợi nhuận tăng hơn năm 2009 là 2,33 đồng. Điều này cho thấy năm 2009, 2010 công ty hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn năm 2008.

*Các nhân tố làm tăng lợi nhuận sau thuế (LNST) của công ty năm 2010*

- Doanh thu thuần tăng, làm LNST tăng	3.512.288.657 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng, làm LNST tăng	1.319.590 đồng
- Chi phí khác giảm, làm LNST tăng	557.141.886 đồng
<b>Tổng các nhân tố làm tăng LNST</b>	<b>4.070.750.133 đồng</b>

*Các nhân tố làm giảm lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2010*

- Giá vốn hàng bán tăng, làm LNST giảm	2.646.717.433 đồng
- Chi phí quản lý kinh doanh tăng, làm LNST giảm	550.940.451 đồng
- Chi phí thuế TNDN hiện hành, làm LNST giảm	46.916.248 đồng
<b>Tổng các nhân tố làm giảm LNST</b>	<b>3.244.574.132 đồng</b>

## *Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình*

Sau khi bù trừ các nhân tố làm tăng lợi nhuận sau thuế và làm giảm lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2010 so với năm 2009 tăng **826.176.001 đồng** điều đó cho thấy khả năng tích lũy của doanh nghiệp có chiều hướng đi lên.

Tổng doanh thu năm 2010 tăng 3.512.288.657 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 151,25% lý giải cho điều này là trong năm công ty nhận được nhiều hợp đồng xây dựng có giá trị lớn làm cho doanh thu tăng nhanh.

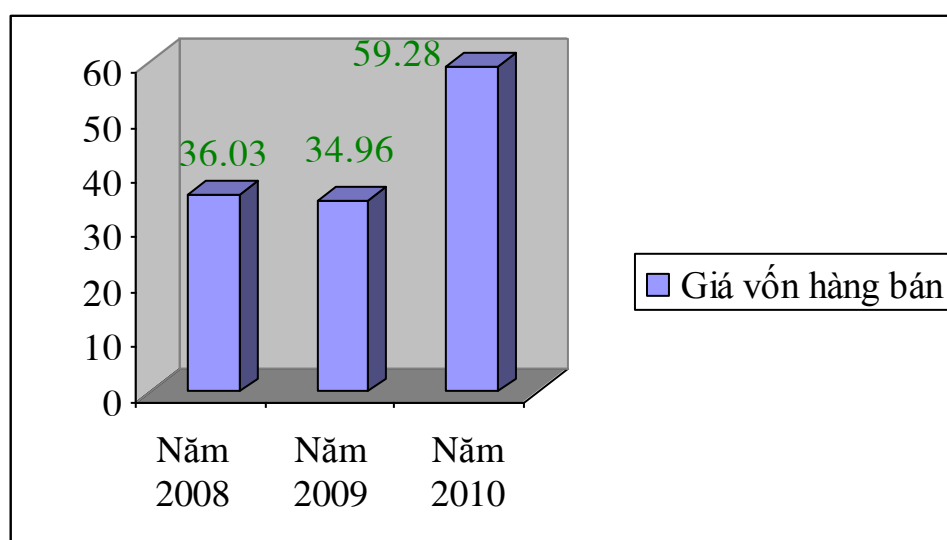
Trong 3 năm qua công ty không phát sinh khoản giảm trừ doanh thu do đó khoản mục này không ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của công ty.

- Ảnh hưởng của giá vốn hàng bán:

Từ số liệu báo cáo kết quả kinh doanh của công ty qua 3 năm 2008, 2009, 2010 ta lập được bảng tình hình giá vốn của công ty trong các năm sau.

Chỉ tiêu	So với Doanh thu thuần (%)			Năm 2009 so với năm 2008		Năm 2010 so với năm 2009	
	2008	2009	2010	Số tiền	%	Số tiền	%
Doanh thu thuần	100	100	100	1,094,988,541	89.23	3,512,288,657	151.25
Giá vốn hàng bán	<b>36.03</b>	<b>34.96</b>	<b>59.28</b>	<b>369,712,116</b>	<b>83.63</b>	<b>2,646,717,433</b>	<b>326.03</b>

Tốc độ tăng của giá vốn hàng bán



Qua bảng phân tích và đồ thị về tốc độ tăng của giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần ta thấy:

## ***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình***

---

Trong 3 năm thì năm 2009, cứ 100 đồng doanh thu thu về công ty chỉ phải bỏ ra 34,96 đồng giá vốn là thấp nhất so với năm 2008 và 2010, điều này tốt cho công ty. Nhưng đến năm 2010 tốc độ này lại tăng vọt, cứ 100 đồng doanh thu thu về công ty phải bỏ ra 59,28 đồng giá vốn như vậy là khá cao.

Giá vốn hàng bán năm 2009 tăng so với năm 2008 là 369.712.116 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 83,63% thấp hơn tốc độ tăng của doanh thu. Ta xét tỷ số giữa tốc độ tăng của giá vốn với tốc độ tăng của doanh thu ta có  $83,63\%/89,23\% = 0,937 < 1$  chứng tỏ tốc độ tăng của giá vốn hàng bán có giảm nhưng không đáng kể và vẫn ở mức cao so với doanh thu.

Năm 2010 so với năm 2009, giá vốn hàng bán tăng 2.646.717.433 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 326,03% , xét tỷ số giữa tốc độ tăng của giá vốn với tốc độ tăng doanh thu ta có  $326,03\%/151,25\% = 2,16 > 1$ . Tốc độ tăng của giá vốn lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu vì năm 2010 do khủng hoảng kinh tế dẫn đến các khoản chi phí tăng vọt đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu.

Năm 2010 so với năm 2009 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán đều có xu hướng tăng nhưng tốc độ tăng của giá vốn lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu nhưng lợi nhuận gộp vẫn tăng thêm được 865.569.224 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 57,31%.

Năm 2009 so với năm 2008 lãi gộp tăng 725.276.425 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 92,39%.

- ***Ảnh hưởng của chi phí quản lý kinh doanh***

Chi phí quản lý kinh doanh là chi phí khó kiểm tra và rất dễ dẫn đến việc biển thủ, thất thoát và làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh, vậy chi phí quản lý kinh doanh đã hợp lý hay chưa, chỉ tiêu tốc độ phát triển của doanh thu sẽ cho ta thấy cái nhìn cụ thể.

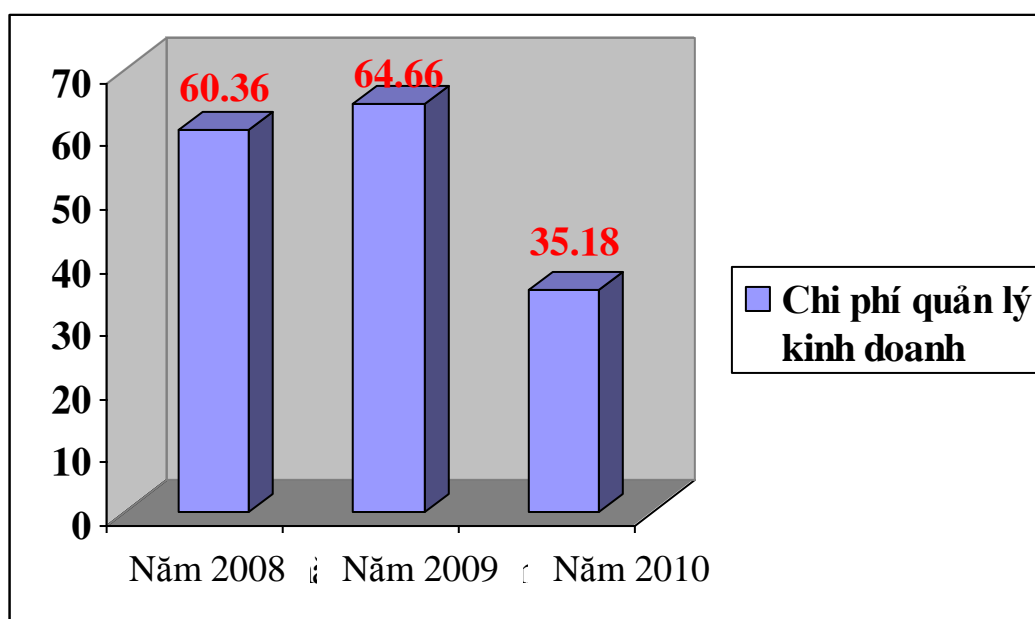
Từ các số liệu báo cáo kết quả kinh doanh của công ty trong 3 năm 2008, 2009, 2010 chúng ta lập được bảng kết quả tổng hợp chi phí quản lý kinh doanh của công ty như sau.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

Khái quát chi phí quản lý kinh doanh của công ty qua 3 năm 2008, 2009, 2010

Chỉ tiêu	So với Doanh thu thuần (%)			Năm 2009 so với năm 2008		Năm 2010 so với năm 2009	
	2008	2009	2010	Số tiền	%	Số tiền	%
Doanh thu thuần	100	100	100	1,094,988,541	89.23	3,512,288,657	151.25
Chi phí quản lý kinh doanh	<b>60.36</b>	<b>64.66</b>	<b>35.18</b>	<b>760,713,536</b>	<b>102.70</b>	<b>550,940,451</b>	<b>36.69</b>

Tốc độ tăng của chi phí quản lý kinh doanh



Từ bảng tính và đồ thị trên ta thấy: Chi phí quản lý kinh doanh qua 3 đều tăng lên. Trong năm 2009 so với năm 2008 tăng 760.713.536 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 102,7%, tốc độ tăng của chi phí quản lý kinh doanh so với tốc độ của doanh thu lại tăng lên. Cứ 100 đồng doanh thu thì chi phí doanh nghiệp bỏ ra là 64,66 đồng tăng so với năm 2008 là 4,3 đồng.

Trong năm 2010 so với năm 2009, chi phí quản lý kinh doanh tăng 550.940.451 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 36,69% nhưng tốc độ tăng của chi phí quản lý kinh doanh so với doanh thu lại giảm. Cứ tăng 100 đồng doanh thu thì chi phí quản lý kinh doanh là 35,18 đồng giảm so với năm 2009 là 29,48 đồng.



**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

---

Chúng tôi trong năm 2010 doanh nghiệp đã kiểm soát được chi phí doanh nghiệp mặc dù có tăng nhưng hợp lý với tốc độ tăng của doanh thu.

Từ việc phân tích các chỉ số về tốc độ tăng của các yếu tố chi phí so với tốc độ tăng của doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh ta thấy:

Doanh thu năm 2010 là cao nhất nhưng xét về tính hiệu quả sản xuất kinh doanh lại thấp nhất do tốc độ tăng của chi phí là quá cao so với tốc độ tăng của doanh thu thuần.

**❖ Đánh giá sơ bộ kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận.**

Loại hoạt động	Doanh thu		Chi phí		Lợi nhuận	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1. Hoạt động SXKD	5 834 410 901	99,97%	5 510 901 247	99,22%	323 509 654	114,73%
2. Hoạt động tài chính	1 938 237	0,03%	0	0%	1 938 237	0,69%
3. Hoạt động khác	0	0%	43 467 968	0,78%	(43 467 968)	(15,42)%
<b>Tổng cộng</b>	<b>5 836 349 138</b>	<b>100%</b>	<b>5 554 369 215</b>	<b>100%</b>	<b>281 979 923</b>	<b>100%</b>

Qua bảng đánh giá kết cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty ta thấy trong năm 2010 doanh thu từ hoạt động kinh doanh của công ty chiếm gần 100% đây là một tỷ lệ rất lớn doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỷ lệ rất nhỏ 0,03% và hoạt động khác không phát sinh. Bên cạnh đó chi phí hoạt động kinh doanh chiếm 99,22% thấp hơn tỷ lệ của doanh thu do đó làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lãi 323.509.654 đồng tương ứng với tỷ lệ 114,73% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế. Có được khoản lợi nhuận đó là do trong năm vừa qua công ty đã hoạt động kinh doanh khá tốt, ký được nhiều hợp đồng có giá trị cao về khảo sát xây dựng, đo vẽ bản đồ các khu công nghiệp như khảo sát địa chất san lấp mặt bằng tại lô đất số 18 HĐ 03/2010 công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu... Thêm vào đó công ty cũng thu được một khoản lợi nhuận nhỏ về hoạt động tài chính 1.938.237 đồng chiếm tỷ lệ nhỏ 0,69% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế. Tuy

nhiên lợi nhuận từ hoạt động khác của công ty bị lỗ 43.467.968 đồng tương ứng với tỷ lệ (15,42)% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế do doanh thu của hoạt động khác trong năm không phát sinh mà chi phí của hoạt động này khá cao. Chính điều này mà công ty cần tìm hiểu và đầu tư vào các hoạt động tài chính và hoạt động khác, để cải thiện tình hình trên, công ty nên:

- Tìm hiểu các thông tin về danh mục các loại hoạt động tài chính trên thị trường.

- Ban lãnh đạo công ty cần phát huy tính năng động trong việc phát triển, mở rộng các hoạt động đầu tư tài chính.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán về hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác ngay từ khâu chứng từ, bảng biểu kế toán, các tài liệu chi tiết liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác của công ty.

- Cuối niên độ kế toán hoặc khi kết thúc từng hoạt động đầu tư cần tiến hành phân tích để đánh giá kết quả đạt được của các hoạt động này, qua đó nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm trong việc đầu tư vào hoạt động tài chính nào cao nhất.

- Xây dựng, tuyển chọn đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, có trình độ, biết thu thập và vận dụng phương pháp xử lý thông tin phù hợp, nhạy bén, năng động. Đồng thời biết lựa chọn danh mục đầu tư hợp lý để giảm thiểu rủi ro trong quá trình đầu tư.

#### **❖ Phân tích các chỉ tiêu tài chính đặc trưng**

Các số liệu phân tích trên báo cáo kết quả kinh doanh của công ty chưa phản ánh được hết tình trạng tài chính của công ty, do vậy phân tích tài chính của công ty thông qua các chỉ tiêu tài chính hiện tại và năm trước là vấn đề quan trọng đối với việc đưa ra quyết định của ban lãnh đạo công ty. Thông qua các chỉ tiêu này, ban lãnh đạo công ty tìm ra các điểm yếu cần khắc phục cũng như những tiềm năng cần phát huy để vạch ra kế hoạch tài chính thích hợp cho việc gia tăng lợi nhuận và phát triển công ty.

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

➤ **Các chỉ số hoạt động**

**Bảng phân tích các chỉ số hoạt động**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cách xác định</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2009</b>
1. Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	Doanh thu thuần	1	3
	Các khoản phải thu bình quân		
2. Kỳ thu tiền trung bình (ngày)	360 ngày	360	120
	Số vòng quay các khoản phải thu		
3. Vòng quay vốn lưu động (vòng)	Doanh thu thuần	1,26	1,7
	Vốn lưu động bình quân		
4. Số ngày một vòng quay vốn lưu động (ngày)	360 ngày	285,7	211,8
	Số vòng quay vốn lưu động		
5. Vòng quay toàn bộ vốn (vòng)	Doanh thu thuần	0,83	1,05
	Vốn kinh doanh bình quân		

+ Số vòng quay các khoản phải thu và kỳ thu tiền trung bình:

Số vòng quay các khoản phải thu của năm 2009 là 1 vòng đến năm 2010 tăng lên là 3 vòng, số vòng quay các khoản phải thu năm 2010 tăng so với năm 2009 là 2 vòng. Điều này đã làm cho kỳ thu tiền trung bình năm 2010 giảm xuống so với năm 2009. Năm 2009 công ty cần 360 ngày thu hồi nợ, kỳ thu tiền của công ty là khá dài nhưng nó phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty vì đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty là tư vấn, thiết kế khảo sát xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng...mà việc thiết kế, khảo sát các công trình thường kéo dài hàng tháng mới kết thúc hợp đồng nên kỳ thu tiền thường kéo dài, thì đến năm 2010 công ty chỉ cần 120 ngày đã thu được nợ. Đó là do công ty đã có các chính sách nhằm thu hút khách hàng tiềm năng để tăng doanh thu trong bán hàng và cung cấp dịch vụ, mở rộng thị trường. Ngoài ra công ty cũng đã giải quyết được vấn đề về nợ

phải thu của khách hàng góp phần làm giảm các khoản phải thu và làm rút ngắn kỳ thu tiền trung bình.

+ Vòng quay vốn lưu động và số ngày một vòng quay vốn lưu động.

Số vòng quay vốn lưu động trong năm 2009 là 1,26 vòng tức là bình quân cứ 1 đồng vốn lưu động bỏ ra kinh doanh thì thu về được 1,26 đồng doanh thu thuần tương ứng với số ngày 1 vòng quay là 285,7 ngày. Đến năm 2010 thì cứ bỏ ra 1 đồng vốn lưu động thì thu được 1,7 đồng doanh thu thuần tương ứng với số ngày 1 vòng quay vốn lưu động là 211,8 ngày. So với năm 2009, số vòng quay của vốn lưu động năm 2010 tăng cụ thể là 1 đồng vốn lưu động bỏ ra tăng 0,44 đồng. Vòng quay vốn lưu động như vậy là tương đối tốt. Nguyên nhân của xu hướng này có thể là do trong năm 2010 vòng quay các khoản phải thu tăng lên, chúng đã trực tiếp tác động làm vòng quay vốn lưu động cũng tăng theo. Từ sự phân tích ở trên trong các năm tiếp theo công ty nên tiếp tục phát huy và có sự điều chỉnh hợp lý làm tăng hiệu quả sử dụng và tiết kiệm vốn lưu động hơn nữa.

+ Vòng quay toàn bộ vốn.

Vòng quay toàn bộ vốn trong năm 2010 là 1,05 vòng tăng 0,22 vòng so với năm 2009 chứng tỏ doanh thu thuần được sinh ra từ tài sản mà doanh nghiệp đã đầu tư tăng. Như vậy công ty đã có các chính sách nhằm thu hút khách hàng, mở rộng thị trường kinh doanh. Do kỳ thu tiền trung bình giảm và vòng quay vốn lưu động tăng đã tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc bảo toàn cũng như huy động nguồn vốn.

Về việc bảo toàn vốn: Công ty nên có chính sách bán hàng phù hợp không chỉ với tình hình của thị trường mà còn phù hợp với tình hình tài chính của công ty. Đặc biệt công ty nên chú ý tới chính sách bán hàng chịu vì khi đó các khoản phải thu của công ty sẽ tăng lên, lượng vốn lưu động bị ứ đọng. Điều này sẽ làm giảm khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty, đồng thời có nguy cơ dẫn đến các khoản nợ khó đòi, làm ảnh hưởng đến tài chính của công ty, nguồn vốn kinh doanh sẽ không được bảo toàn.

Về việc huy động vốn: Tùy theo điều kiện cụ thể của công ty mà các nhà quản lý đề ra các biện pháp huy động phù hợp. Hiện nay nguồn vốn dài hạn của công ty là

**Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình**

---

vốn vay của ngân hàng và vốn góp. Tuy nhiên vẫn chưa thực sự đáp ứng đầy đủ nhu cầu kinh doanh của công ty. Công ty cần có một số giải pháp để nâng cao khả năng huy động vốn hơn nữa như: có các biện pháp thu hồi các khoản nợ một cách nhanh chóng, có chính sách bán hàng phù hợp, tăng doanh thu nhưng cũng cần đảm bảo các khoản nợ đọng là hợp lý, khuyến khích các đối tác cùng bỏ vốn đầu tư, đưa ra các chính sách tín dụng hợp lý.

➤ **Các chỉ tiêu sinh lời**

**Bảng phân tích các chỉ tiêu sinh lời**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cách xác định</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>
1. Tỷ suất lợi nhuận doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	1,7%	4,03%
	Doanh thu thuần		
2. Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn	Lợi nhuận sau thuế	1,41%	4,25%
	Vốn sản xuất kinh doanh bình quân		
3. Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	2,61%	9,21%
	Vốn chủ sở hữu bình quân		

Đây là cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là đáp số sau cùng của hiệu quả kinh doanh và còn là một luận cứ quan trọng để hoạch định, đưa ra các quyết định tài chính trong tương lai. Trong năm 2010 các chỉ số sinh lời tốt hơn năm 2009, cụ thể như sau:

+ Tỷ suất lợi nhuận doanh thu của công ty phản ánh tính hiệu quả của quá trình hoạt động kinh doanh và lợi nhuận do doanh thu tiêu thụ sản phẩm đem lại.

Tỷ suất lợi nhuận doanh thu năm 2010 là 1,7%. Điều này cho thấy năm 2009 cứ 100đ doanh thu tham gia vào kinh doanh thì tạo ra được 1,7đ lợi nhuận sau thuế, đến năm 2010 cứ 100đ doanh thu tạo ra được 4,03đ lợi nhuận sau thuế. Đây là một cố gắng lớn của công ty trong việc tăng lợi nhuận sau thuế, tăng khả năng sinh lời của

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình***

---

vốn kinh doanh. Mặc dù giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao làm chi phí sản xuất kinh doanh trong mảng xây dựng tăng lên nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn rất tốt. Công ty nên phát huy trong những năm tiếp theo.

+ Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn:

Sự kết hợp giữa chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận doanh thu và vòng quay toàn bộ vốn tạo thành chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận tổng vốn. Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn trong năm 2010 là 4,25% có nghĩa là cứ 100đ vốn bình quân được sử dụng trong kỳ tạo ra 4,25đ lợi nhuận sau thuế. So với năm 2009, cứ sử dụng 100đ vốn bình quân tạo ra 1,41đ lợi nhuận sau thuế. Như vậy chất lượng kinh doanh tính bằng lợi nhuận của doanh nghiệp tăng lên rất nhiều.

+ Về tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu, ta thấy lợi nhuận vốn chủ sở hữu trong 2 năm 2009, 2010 đều lớn hơn lợi nhuận tổng vốn, điều đó chứng tỏ việc sử dụng vốn vay là rất có hiệu quả.

Qua bảng phân tích trên cho thấy nhìn chung tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp năm 2010 tăng so với năm 2009. Cho thấy doanh nghiệp đó chú trọng đến việc sản xuất kinh doanh. Sự gia tăng tuy không nhiều nhưng cũng cho thấy được sự cố gắng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ khủng hoảng như năm 2010 vừa qua và doanh nghiệp cần cố gắng phát huy hơn nữa trong các năm tiếp theo.

***Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty***

- Trước khi thi công, nhận thầu các công trình phòng tư vấn-thiết kế phải lập dự toán thực tế và chi tiết cho từng công trình theo tiến độ tổ chức thi công đã được duyệt đảm bảo không bị lỗ.

- Hàng năm phải lập kế hoạch giá thành toàn công ty hàng quý điều chỉnh giá thành đã lập so với giá thành thực tế sản xuất của công ty. Bộ máy công ty điều hành sản xuất và điều hành các chi phí theo kế hoạch đã lập này.

- Tiến hành tập hợp chi phí tính giá thành theo từng công trình xây dựng. Trên cơ sở đó tiến hành 1 năm phân tích 2 lần các hoạt động sản xuất kinh doanh ở toàn

công ty để biết được những hoạt động, chi phí sản xuất đúng hướng và chi kịp thời điều chỉnh cho chu kỳ sản xuất và các công trình dự án.

Quản lý chặt chẽ các chi phí gián tiếp, ban hành các quy chế, quy định cụ thể và chi tiết như các chế độ tiếp khách, đi công tác, sử dụng điện nước, văn phòng phẩm,... với chế độ nhà nước quy định phù hợp với điều kiện thực tế của công ty nhưng phải nằm trong giá thành kế hoạch đã được hoạch định. Những trường hợp vượt mức đều phải trừ vào các cá nhân đã sử dụng vượt mức đó.

- Tiết kiệm nguyên vật liệu: Phần lớn các nguyên liệu trong ngành xây dựng là sắt thép, gạch, xi măng... Trong giá thành công trình thì chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất kinh doanh của công ty. Để tiết kiệm khoản mục này, công ty nên xây dựng kế hoạch sản xuất một cách chi tiết, thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu. Đặc biệt công ty cần phải theo dõi thường xuyên tình hình giá cả nguyên vật liệu trên thị trường thế giới và trong nước để dự đoán sự tăng giảm giá cả trong tương lai, từ đó có kế hoạch mua nguyên vật liệu một cách hợp lý tránh trường hợp phải mua với giá quá cao hoặc phải chậm tiến độ thi công để đợi nguyên vật liệu trong khi hầu hết các nguồn vốn để xây dựng các công trình đều là vốn vay các ngân hàng nếu thời gian xây dựng các công trình quá lâu thì chi phí lãi vay phải trả quá lớn sẽ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Thường xuyên nâng cấp bảo dưỡng thiết bị máy móc tài sản sử dụng. Xác định chế độ hao mòn thích hợp cho những tài sản đưa vào sử dụng để bảo toàn vốn và kết chuyển đầy đủ vào chi phí một cách phù hợp. Mặt khác nâng cấp công nghệ thiết bị phải phù hợp với khả năng tài chính công ty.

- Giảm bớt chi phí quản lý kinh doanh một cách tối đa. Để quản lý chặt chẽ và giảm các khoản chi bất hợp lý công ty cần rà soát các khâu. Đặt ra các định mức chi tiêu đưa ra điều kiện xét duyệt cụ thể.

► Như vậy công ty sẽ cắt giảm được khoản lớn chi phí :

Chi phí vốn: Vốn quay vòng luôn luôn sẵn sàng không bị ứ đọng dưới dạng hàng tồn dự trữ.

***Hoàn thiện tổ chức lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty  
TNHH Tân Bình***

---

Kiểm tra giám sát chặt chẽ tình hình tài chính, công nợ của công ty. Xem xét lại cơ cấu vốn, cách thức sử dụng vốn của công ty để thấy được hoạt động của vốn và chủ động tìm giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng trang trải cho nhu cầu với chi phí thấp nhất. Thu hồi vốn đảm bảo đủ phục vụ kinh doanh, cũng như công ty không nên kéo dài các khoản thanh toán.

► Công ty sẽ kiểm soát được tài chính và có kế hoạch sử dụng tốt hơn:

Tập trung vốn cho các hoạt động chủ lực

Cân đối lại công nợ để đảm bảo vốn hoạt động công ty không bị chiếm dụng quá lớn vừa làm giảm khả năng thanh toán cũng như mất đi hiệu quả sinh lời của vốn.



## KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, hệ thống những quy định liên quan đến Báo cáo tài chính của Việt Nam không ngừng được thay đổi cho phù hợp với điều kiện mới và cho phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế. Vai trò cung cấp thông tin trên Báo cáo tài chính không ngừng được nâng cao. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân theo đúng chuẩn mực nhằm cung cấp thông tin trung thực hợp lý cho các đối tượng quan tâm. Hơn thế nữa, thông qua các kết quả phân tích tình hình tài chính, có thể đưa ra các dự báo về kinh tế, các quyết định về tài chính trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

Công ty TNHH Tân Bình nhận thức rõ vai trò của việc lập và phân tích Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng nên đã không ngừng cải thiện công tác này để đáp ứng nhu cầu về cung cấp thông tin kế toán hữu ích, kịp thời cho các đối tượng quan tâm đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vì thời gian thực tập có hạn nên việc tìm hiểu công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Khoá luận ngoài việc đánh giá ưu điểm của công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh còn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác này

Em xin chân thành cảm ơn Cô giáo Bùi Thị Chung đã tận tình hướng dẫn, cùng phòng Tài chính- Kế toán tại công ty TNHH Tân Bình đã giúp đỡ, chỉ bảo em hoàn thành bài khoá luận này.

Sinh viên

Đình Quang Tuân

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- **Giáo trình phân tích báo cáo tài chính** của trường ĐH kinh tế Quốc dân- do PGS.TS. Nguyễn Năng Phúc-trưởng bộ môn Phân tích hoạt động kinh doanh chủ biên.

- **Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh** do PGS.TS. Phạm Thị Gái và tập thể cán bộ giảng dạy của khoa kế toán trường Đại học kinh tế Quốc dân biên soạn.

- **Chế độ kế toán doanh nghiệp** ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- **Chuẩn mực kế toán số 21** Ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

**Trang web: [www. Chuanmucketoanvietnam.com](http://www.Chuanmucketoanvietnam.com)**

**Và một số tài liệu, số sách do công ty TNHH Tân Bình cung cấp.**